

DƯƠNG NGHIỄM MẬU • DUYÊN ANH
HUỖNH PHAN ANH * MƯỜNG MẮN
NGUYỄN MẠNH CÔN * PHAN DU
TRÙNG DƯƠNG * VÕ HỒNG

Ngày hồng xưa



TÂN - VĂN

Ngày hồng xưa

**tuyển truyện viết về tuổi thơ
của tám tác giả thời danh**

*Dương Nghiễm Mậu * Duyên Anh
Huỳnh Phan Anh * Mường Mân
Nguyễn Mạnh Công * Phan Du
Trùng Dương * Võ Hồng*

ngày hồng xưa

DƯƠNG NGHIÊM MẬU * DUYÊN ANH
HUỲNH PHAN ANH * MƯỜNG MÁN
NGUYỄN MẠNH CÔN * PHAN DU
TRÙNG DƯƠNG * VÕ HỒNG

Bìa: *Tina Tim*
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

Các tác giả giữ bản quyền

ngày hồng xưa

DƯƠNG NGHIÊM MẬU * DUYÊN ANH
HUỲNH PHAN ANH * MƯỜNG MÁN
NGUYỄN MẠNH CÔN * PHAN DU
TRÙNG DƯƠNG * VÕ HỒNG

Nguyệt san TÂN VĂN
số 35 * tháng 3 năm 1971

MỤC LỤC

1. <i>Dương Nghiễm Mậu</i>	11
Ngày hồng xưa	
2. <i>Duyên Anh</i>	33
Cái điều	
3. <i>Huyền Phan Anh</i>	71
Chuyến đi tuổi nhỏ	
4. <i>Mường Mán</i>	88
Về giữa mùa hè	
5. <i>Nguyễn Mạnh Côn</i>	129
Hy vọng mầu gì	

- | | |
|-----------------------------|-----|
| 6. Phan Du | 151 |
| Bóng ai trong buổi đầu xuân | |
| 7. Trùng Dương | 199 |
| Kẻ tình chung | |
| 8. Võ Hồng | 225 |
| Bông hồng cài áo | |

DƯƠNG NGHIÊM MẬU
NGÀY HỒNG XƯA

Cơn mưa nhỏ giữ tôi lại cùng với thành phố lên đèn, màn mưa trắng mỏng hạt đan xuống như một tấm lụa chùng trĩu. Mùa mưa đã trở lại. Con phố dài hai hàng cây trong giây phút trở thành cô quạnh với con đường láng bóng dưới ánh đèn và những xe cộ ướt nước lướt nhanh. Tôi lẩn dưới những mái hiên đi tới quán cà phê cách một ngã tư đường. Ly cà phê nóng của thời gian này mười năm trước...

Cơn mưa ngắn, nhẹ nhàng, tôi ra đường trở về, từ thành phố tôi phải qua một quãng đường vắng, vượt một cây cầu để tới nhà, nơi đó những dãy phố nhỏ, ngôi chợ những sinh hoạt đủ cho không khí của một quận lỵ nhỏ nhắn với những cách biệt của nó. Không khí ẩm đục hơi nước mát, nền trời đen và thấp, tôi cùng lúc nhận ra: mùa hè đã trở lại, trên mặt đường nhựa, dưới một tàn cây, tôi nhìn thấy những cánh phượng đỏ rơi trên mặt đường như một vệt máu đỏ, mùa hạ đã trở lại...

Con đường đưa tới cây cầu mới xây cất vắng lặng, mọi người như đã trở lại trong những gian phòng yên ả, nhưng dọc hai bên đường, dưới những cột đèn từng đám trẻ nhỏ tụ lại bên, dưới gần chân cầu tôi bị giữ lại bên một miệng cống người đàn ông đang quỳ xuống,

chúi đầu thò tay xuống dưới mò mẫm, khuôn mặt đầy vẻ chú ý với bàn tay giấu khuất ở dưới, phía trên có hai đứa trẻ khoảng tuổi xấp xỉ nhau, một đứa ngồi xổm, một đứa đứng cầm chiếc lon sữa bò.... Người đàn ông bỗng mỉm cười nhồm dậy, rút tay ra vẻ vui:

– Đây rồi...

Đứa trẻ ngồi đứng dậy, đứa đứng thì lại gần, người đàn ông mở tay ra soi lên ánh đèn, đứa nhỏ lớn kêu:

– Không phải ba ời, cái mà.

– Như vậy thì nó ba vợ rồi...

Người đàn ông ngấm nghĩa con để màu đen vẻ thất vọng, người cha đưa con để cho đứa nhỏ anh rồi lại quỳ xuống, thò tay vào trong cống và theo dõi... Thật lâu vẫn không có kết quả chừng như đã

mỏi, người cha đứng lên thở dốc, nhìn hai đứa con, bỗng có tiếng dế kêu vang lên từ dưới cống, ba cha con người kia cùng ngồi cả xuống lắng nghe vẻ thích thú, người con lớn:

- Chắc nó rồi ba, nghe hách quá!
- Nhưng cái hang nhỏ quá...

Người cha có vẻ thất vọng, đứa con nhỏ thích thú nhìn vào chiếc lon với những con dế ở trong.

- Tay con nhỏ, để con...

Đứa nhỏ không chờ cha nó trả lời, nó quỳ xuống, nó gần như nằm hẳn xuống và đầu thì gần như chui vào trong miệng cống, nó cố gắng, người cha ngồi xuống nhìn vào miệng cống theo dõi, đứa nhỏ em thì chạy ra phía ngoài cột đèn nhìn lên, những muỗi cỏ và dế đang bay quanh

ngọn đèn sáng phía trên cao...

Đứa con lớn rút tay ra, ngoi đầu lên mỉm cười, nó ngồi dậy mở tay ra và reo lên:

- Cả vợ chồng nó luôn... chì quá, ba ơi, nó bốn vợ, ác liệt thiệt!

Đứa nhỏ nhìn cha nó cười, thằng nhỏ từ xa cũng trở lại, nó nhìn người anh cầm con dế đục nhỏ giờ lên với vẻ ngạc nhiên:

- Được rồi ư anh, trông hiệp sĩ ác!

Ba cha con người kia chụm lại với nhau, tôi đi ngược lên phía cầu với niềm vui nhẹ nhàng, con dế đục với bốn con dế cái trong chiếc hang nhỏ, đó là điều vui mừng cho bất cứ đứa nhỏ bắt dế nào, vì điều đó như bảo đảm rằng con dế đục là một võ sĩ vô địch trong những cuộc

tranh tài sắp tới. Tôi ngừng, nhìn trở lại, bóng ba cha con người lạ chụm lại với nhau đang đi xa hơn, tôi chiêm một điều thuốc: mùa hè đã trở lại, thêm một mùa hè đã đến...

*

Cha tôi cùng với hai người thợ mộc cầm thanh tre nhỏ mỏng trét những lỗ nhỏ, những khe nứt của chiếc quan tài mộc, mùi sơn ta pha với mặt cửa, mùi thơm của gỗ vàng tâm còn tươi khiến cho gian nhà khách nơi nhà ngang có một không khí đặc biệt kỳ lạ. Chiếc áo quan vuông vức vững vàng đã hoàn thành sau hai ngày việc không ngừng, người thợ cả đang ướm thử những con cá cho việc cuối cùng hoàn thành. Màu vàng tươi rói óng chuốt khiến cho cỗ áo

quan có một vẻ gì nhẹ nhàng thân mật, nó không phải là màu đen hay đỏ với những đường riềm mạ vàng có vẻ gì chết chóc ghê sợ. Cha tôi nói nếu còn thì giờ thì hãy nghĩ tới sơn, nhưng phải sơn ta, sơn ta thì gỗ bền hơn... ai biết đâu ông yếu mau thế, mới qua tuổi bốn chín... Thực thế, ông tôi vừa qua năm ăn mừng được năm mươi tuổi, sang năm năm mươi một chưa được nửa năm thì cơn bệnh ập đến như một cơn mưa lũ, cả nhà lo ông mất và chỉ trong mấy ngày những tấm gỗ vàng tâm được mang về nhà và mấy người thợ mộc là công việc đóng cỗ áo quan cho ông nội tôi. Dù vậy không khí trong gia đình không có vẻ buồn bã lắm, có lo âu nhưng trong sinh hoạt có một vẻ tấp nập với con cháu từ xa trở về, những bà con thân thiết ra vào thăm hỏi ông tôi. Ông bà ngoại tôi cũng từ dưới quê lên thăm, khi ngồi bên cỗ ghế ngựa

uống nước ông nội tôi đã cười khi ông ngoại tôi nói:

– Chưa, tiếng cụ còn sáng khoái lắm, chỉ là cái hạn nhỏ, hạn qua có lẽ cụ còn có thể lấy một bà bé...

Mẹ tôi chạy lên chạy xuống lo pha trà, tiêm trầu, tiếp khách, cha tôi đã cùng với mấy ông chú bác họ nghĩ tới chuyện làm nhà rạp, đám ma của ông tôi chừng như đã sửa soạn xong xuôi. Ông ngoại tôi lên chơi ở lại rất lâu, ông mang cho đám cháu một ít bánh khoai nướng, ông ngồi nơi chiếc sập ngay giữa nhà tính đốt ngón tay nói chuyện với ông nội tôi về số mệnh, những vận hạn cho người này người khác. Ông nội tôi sau hai ngày nằm, ăn nước cháo loãng đã đòi được ngồi dậy, tựa lưng vào vách nhà, chống tay lên chông gối xếp, ông mặc chiếc áo cánh nâu cũ ngoài khoác chiếc áo bông

nhỏ hơi ngắn, chiếc áo bông ấy của bà nội tôi để lại, chiếc áo bông có một lần vải lót màu hồng tươi và được trần hạt lựu hết sức công phu, hình như đó là chiếc áo duy nhất của bà tôi được giữ lại sau khi bà tôi mất, những quần áo khác hoặc đã được cho hoặc đốt, những sáng mùa thu và những tối mùa đông trở lại chúng tôi thấy ông nội tôi mang chiếc áo ấy, trong những lúc nhắc lại thuở hàn vi ông nội tôi thường ngậm ngùi:

– Bà chẳng được hưởng chút gì, cả đời vất vả...

Ông nội tôi xuất thân là một tá điền, lập nghiệp với hai bàn tay trắng. Về cụ nội, tôi chỉ được nghe nói một cách mơ hồ thấp thoáng, câu chuyện duy nhất tôi được biết: cụ nội đã chết vì nước độc. Trong câu chuyện về mùa nước lên, về công việc làm ngôi đình làng, ông tôi kể

chuyện, cụ nội là một trong một mười hai người dân trong làng được khắc tên trên bia đá nơi nhà hậu của đình. Đó là những người đã không những góp công mà còn góp cả mạng sống cho công cuộc dựng ngôi đình làng. Để dựng ngôi đình một số mười hai người đã mang tiền của dân làng lên mạn ngược mua gỗ với những thân gỗ lớn được cột lại với nhau rồi thả theo dòng sông Đáy, từ đó những thân gỗ lớn theo với dòng nước trở về làng, với những ngày tháng ở lại mạn ngược, công việc theo gỗ trở về đã khiến cho tất cả mười hai người trong toán đều bị bệnh sốt rét, không có thuốc chữa, mọi người đều vàng da, vàng mắt rồi qua đời, trong đó có cụ nội tôi. Với người nông dân chất phác có người tin rằng những người chết bị ma làm, ma của chốn rừng thiêng, riêng ông nội tôi thì biết rõ là sốt rét rừng, là bị ngã nước... Nhưng vào

thời ấy không có thuốc chữa. Nhắc lại câu chuyện này, nói tới ngôi đình làng với những thân cột cả hai người ôm, với mái ngói cong và những trạm trổ tinh vi, ông nội tôi chừng như có nhiều phần tự hào...

Cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, ông nội tôi đi làm tá điền cho một nhà giàu trong làng, nhờ được người tốt, ông tôi đã có thể làm thêm ruộng, từ người tá điền, ông tôi dần dần tạo thành những sản nghiệp đầu tiên. Khi tôi đã lớn, gia đình đã khá, cha tôi định bán những sào ruộng ở xa và xấu nhất là mấy sào ruộng ở Giồng Khoai, nhưng ông tôi đã không cho, đó là những sào ruộng đầu tiên ông tôi đã có: ruộng ở đấy chỉ cấy được một vụ mùa, không làm được màu, nên giá rất rẻ, chính ông tôi mua những ruộng đó, biến nó thành ruộng làm hai mùa, ông

tôi thường nhắc lại những ngày tháng đó, những buổi sáng tinh sương vào tháng giêng, trời lạnh như cắt lên đường vác vồ ra Giồng Khoai đập đất theo đường nẻ trồng khoai và ngô, ruộng ở xa, đất xấu, nhiều cỏ gấu, ngay trong vụ mùa, đất cao những sào ruộng ở Giồng Khoai nếu không được trông nom rất dễ bị khô vì những cơn nắng lửa, muốn đưa được nước lên phải qua nhiều đặng nước... Từ những sản nghiệp nghèo nàn đầu tiên đó, với mồ hôi, đi sớm về trưa, trải thân ra với nắng lửa và mưa lạnh, với sự cần cù ông tôi tạo thành một sản nghiệp mỗi lúc một lớn với những sào ruộng tốt ở Cầu Đình Đỏ, ở Hậu Miếu, ở Hóc Tàu, đến đời cha tôi sự vất vả vẫn còn nhưng đã giảm đi nhiều, và khi tôi được sinh ra thì gia đình tôi đã trở thành một gia đình trung lưu trong làng, trong nhà có bát ăn bát để...

Trong nhà, tôi là người cháu được coi là giống ông nội hơn cả, cha mẹ tôi đều thấp nhỏ, chị và em tôi cũng giống cha mẹ tôi, riêng tôi, trong gia đình là người cao hơn cả, ông tôi người cao, mỗi lần bước lên hiện phải cúi hẳn xuống, người cao nhưng nhỏ nên càng cao hơn, từ khi tôi biết lúc nào ông cũng cạo đầu tọc đi đầu quần chiếc khăn lượt gọn gàng với chữ nhân trước trán, trong những năm nhỏ ông cũng có được học chút ít chữ Nho, đủ để coi lịch Tàu, trong những năm về già ông cũng có làm thơ nhân những cuộc vui hay vịnh về chính đời sống của mình. Ông tôi có đôi mắt rất tốt, cho đến khi ông tôi mất ông không phải đeo kính trong khi vẫn coi được lịch Tàu một cách rõ ràng. Điều này khác hẳn với cha tôi, ngay khi lớn mắt cha tôi đã không được tinh tường. Là một nông dân, ông tôi có tiếng nói lớn, sáng khoải, ăn mặc hết sức

đơn giản, lại là một người khỏe mạnh, ông tôi có một đời sống mà sau này khi nhớ lại tôi thấy đó là một cuộc sống vô cùng hạnh phúc và kiêu hãnh...

Cổ quan tài đã được đóng xong, mọi công việc ma chay như đã được sửa soạn tươm tất thì cùng lúc sức khỏe ông tôi mỗi lúc một khá, sau mấy thang thuốc của cụ Cử Nhôn bốc cho, ông tôi khỏe dần, tiếng nói chuyện mỗi lúc một dõng dạc hơn, ông cũng đòi ăn cơm trở lại, ông tôi thường coi ăn cơm là quan trọng, cơm tẻ là mẹ ruột, ngày tết nhất, giỗ chạp bao giờ ông cũng nhớ tới bát cơm. Cơm ba bát, áo ba mảnh, đói không xanh rết không chết, câu nói đó ông tôi thường đưa ra cho chúng tôi như một tiêu chuẩn, ăn đói không được, ăn thêm cũng không nên. Đối với ông tôi chuyện ăn uống thật hết sức giản dị. Những buổi sáng mùa

đông, trời lạnh như cắt, ông tôi trở dậy bỏ mấy hạt muối vào miệng súc miệng, lấy bát chiết yêu xới một bát cơm nguội đầy múc thêm một bát nước mưa kinh niên, với một trái cà bát ướp mặn là đủ bữa ăn sáng trước khi ông tôi ra đồng. Cũng có khi ông ăn cơm nguội với mật. Bữa ăn sáng như thế thật tôi không thể chịu được. Những ngày tháng tám mưa gió, hay những buổi tối mùa đông lạnh, ông tôi thường kêu mẹ tôi rang ngô, ngô dành để rang được để riêng, ngô này phải là ngô cũ, ngô cũ rang mới nở, bọn con cháu đứa nào cũng thích những bông ngô nở trắng nhưng ông tôi lại chê những bông trắng, cho mãi tới khi già ông thích ăn những hạt cúp, ông nói nó ngọt và bùi, bông ngô thì nhạt, ăn thịt, ông tôi thích thịt mỡ, dưa cà phải ướp mặn, ông không thích ăn dưa hay cà ướp chua. Trong cách ăn uống đó đủ cho thấy

ông tôi là người khỏe mạnh cho tới khi già. Cơn bệnh bất ngờ lúc 51 tuổi qua đi nhưng cũng từ đó sức khỏe ông giảm bớt, ông đã thôi ăn cơm nguội với nước mưa kinh niên, rằng ông cũng đã yếu, mẹ tôi bắt đầu nấu cơm nôi đất, kho củ dứa với tương cho mềm, thỉnh thoảng ông tôi thích được ăn canh cua nấu với khoai sọ...

Thời gian trôi đi, ông tôi qua hạn của năm năm mươi một tuổi, cỗ quan tài bằng gỗ vàng tâm được mang lên kê nơi gian bên của ngôi nhà thờ, thân mật và quen thuộc với mọi người. Rồi Nhật đảo chánh, Việt Minh cướp chính quyền, chiến tranh bùng nổ, gia đình tôi chạy vào Sơn Tây ít lâu rồi trở về làng, vẫn ngôi nhà xưa, cha tôi đi theo kháng chiến, trong nhà vắng hẵn chỉ còn lại mẹ tôi, chị tôi và đứa em nhỏ trông nom ông

tôi, chú thím tôi ở riêng nơi một dinh cơ khác, xóm làng vắng vẻ với đời sống tranh tối tranh sáng, ban ngày Tây càn quét, đêm lại Việt Minh vượt sông Đáy trở về hoạt động học tập, thu thuế... Trong cô quạnh, mẹ tôi lâm bệnh và qua đời...

*

Cơn sốt ập xuống sau buổi chiều, mẹ tôi nằm mê man trên giường trong chiếc buồng nhỏ nơi đầu dãy nhà ngang, em trai tôi lúc đó mới ba tuổi và tôi mười ba tuổi, chị tôi hơn tôi hai tuổi. Trong nhà chỉ còn lại ông tôi đã già, ông ngủ nơi nhà thờ rộng. Chiếc sân gạch rộng trong nhiều năm đã không còn là sân phơi thóc rộn rịp của những ngày mùa, thiếu vắng những ngày giỗ chạp đông vui sum

hợp, từng khoảng góc sân sau mùa mưa đã có rêu và cỏ mọc lên nơi những khe gạch đã cũ. Mẹ tôi là con gái lớn của một gia đình có học, ông ngoại tôi hai lần lều chõng đi thi chỉ đậu tú tài hai lần nên gọi là cụ Kép Dương, vì làng Dương Liễu, quê ngoại tôi, chỉ có mình ông ngoại tôi là Kép. Cha tôi, thời nhỏ được ông nội tôi gửi nơi ông ngoại tôi, lúc đó là một thầy đồ dạy học, trông nom việc dạy dỗ cha tôi, lớn lên, cha tôi thành rể của nhà này. Bên ngoại tôi cuộc sống hết sức đạm bạc, chính nơi đó tôi được học chữ Nho và học võ lòng chữ quốc ngữ do ông ngoại tôi dạy. Mẹ tôi là người nhỏ bé, trắng trẻo và óng chuốt. Dời khỏi gia đình đi làm dâu, mẹ tôi phải sống cuộc sống cực nhọc trong một gia đình làm ruộng, ngoài công việc trông nom những người ăn kẻ làm trong nhà, mẹ tôi còn dệt cửi, trong nhiều năm giúp cha tôi

trồng dâu nuôi tằm, cũng như coi sóc lò mật... Cho đến khi cha tôi vắng nhà, mẹ tôi đã không còn trông nom việc đồng áng được nữa, bao nhiêu ruộng đều cho làm rẽ, mẹ tôi chỉ còn giúp ông tôi coi ít mảnh vườn và dệt cửi...

Sau một đêm mê man với cơn sốt nặng, buổi sáng hôm sau tôi vội vàng xuống quê ngoại tìm bà ngoại tôi, lúc đó ông ngoại cũng đã qua đời được ba năm, trong nhà chỉ còn mợ tôi và hai đứa cháu, cậu tôi đã bỏ làng lên Hà Nội làm việc. Nghe tin mẹ tôi ốm bà vội vàng mặc chiếc áo dài nâu lên nhà. Bà ngoại tôi vào buồng, thăm mẹ tôi, thấy nóng quá vội đi tìm ông lang tới coi bệnh. Nhưng chén thuốc mẹ tôi uống mới được bát đầu thì tới gần sáng mẹ tôi thấy khó chịu và mất. Mẹ tôi mất trên tay bà ngoại tôi, ông nội tôi ngồi bên mếu máo vuốt mắt

cho mẹ tôi: ai ngờ lá xanh rụng trước lá già... Trong gian buồng nhỏ cô quạnh, mẹ mất trong tiếng khóc của ông tôi, bà ngoại, tôi và người chị, đứa em nhỏ còn thiếp ngủ trên tay người chị... Làng xóm lúc đó tan hoang, đám tang mẹ tôi thật đơn giản, cỗ quan tài bằng gỗ vàng tâm ngày nào dành cho ông nội tôi nay được dùng để táng mẹ tôi. Trên cỗ đòn trầu, không có nhà táng, mẹ tôi được chôn cất nơi cạnh mộ của bà nội tôi, lúc bấy giờ mùa thu, nước còn lại trong những thửa ruộng ở Đồng Sào. Mẹ tôi mất không có cha tôi ở bên...

✱

Hai mươi hai năm đã trôi qua, tôi sắp cúng giỗ mẹ tôi năm thứ mười sáu tại miền Nam... Những hình ảnh từ hơn

hai mươi năm trước vẫn còn sáng ngời... Chính từ đó, từ khi tôi không còn mẹ, bỏ xa xóm làng và cuộc chiến... tôi, chúng tôi, bắt đầu một cuộc sống gian truân. Tuổi thơ ngắn ngủi của thời thanh bình cũ lúc nào cũng như một vùng trú ẩn thân yêu... Bao giờ cho tôi được trở lại làng xưa, thăm lại ngôi mộ của ông tôi, bà tôi, mẹ tôi và nơi ấy những đổi thay nào đã đến...

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

DUYÊN ANH

CÁI ĐIỀU

I

Mai nằm sấp trên chõng tre, say mê dờ từng trang cuốn Quốc văn Giáo khoa thư lớp dự bị. Hữu đang ngồi trông hàng. Bây giờ là mùa hạ. Nhạc ve ran ran sâu và ở giàn thiên lý, hoa đã trĩu xuống từng chùm thơm dịu dịu. Dưới nước, họ hàng nhà gọng vò thi nhau bơi ngược dòng, cây sung ngã mình ra gần nửa khúc sông, quả chín đỏ ối, rơi lồm bồm như muốn dụ dỗ những con cá đói mồi. Tiếng sáo vi vu, lơ lửng

trong bầu trời xanh, làm tăng thêm nỗi buồn thôn dã.

Dạo này, Mai lớn vượt lên như mấy cây đu đủ ngoài bến đò. Tóc con bé xanh mượt, đôi mắt tròn đen lay láy. Nó thuộc lòng nhiều bài tập đọc, đã làm hết phần câu hỏi, ứng dụng... Thỉnh thoảng, nó còn vẽ lại từng bức tranh nho nhỏ in trên đầu trang sách như bức Chỗ quê hương là đẹp hơn cả, họa hình người đeo tay nải đội khăn xếp mặc áo dài, đứng cạnh bờ tường đất nứt lổ với bụi tre thưa, với mảnh vườn còm cõi, với bạn bè thăm hỏi chuyện du sơn du thủy; bức Bệnh chó dại họa hình thằng Canh chăn bò, bị chó cắn, bố nó phải chở nó đến bệnh viện Pasteur...

Nghĩ tới lúc Mai đứng ngắm bọn mục đồng cho trâu về chuồng rồi cảm hứng đọc bài Chăn trâu, Hữu bật cười.

Em nó ngạc nhiên:

- Anh cười em đấy hở, anh?
- Đâu nào.
- Anh nói dối, anh cười em. Trông em buồn cười, hở?
- Thật mà, anh chả cười em đâu.
- Thế anh cười cái gì?
- Anh cười cái ông tác giả?
- Sao lại cười “ông” tác giả?
- Vì ông ấy đặt bài Chăn trâu.
- Hể ai đặt bài học thì người ấy là tác giả hở, anh?
- Ừ.
- Ai dạy anh vậy?

– Chú Nghị.

Mai nheo mắt cười, đôi má con bé lúm đồng tiền, xinh xinh đáo để.

– Thích nhỉ, em cũng là tác giả anh Hữu nhỉ.

Hữu bốn cột:

– Em ấy à?

– Chứ còn ai nữa!

– Em đã làm được bài nào, kể anh nghe đi.

Mai ngồi nhòm dậy, con bé xoè bàn tay ra, đặt ngón cái vào đốt dưới ngón út, tính toán:

– Ê, anh quên rồi à? Này nhé, em tả con trâu là một, con chó là hai, cây đa là...

Hữu xích gấn em, đặt đôi tay nham nhở mặt tre với lên mái tóc mà gió bên đò thời rối tung của Mai. Cử chỉ thân ái bất chợt ấy khiến em nó ngơ ngác. Con bé hỏi:

– Em nói sai hử, em không là tác giả hử, anh?

– Em mới tập làm văn, trả lời câu hỏi. Chú Nghị nói, giỏi lắm mới thành tác giả.

Mai thè lưỡi thán phục. Giấy lát, nó tỏ vẻ nghi ngờ:

– Tác giả giỏi sao anh dám cười ông ấy?

– A... à... tại ông ấy bảo chăn trâu sướng.

– Ủ nhỉ, chăn trâu khổ thì có anh

nhỉ? Thế tác giả không giỏi nữa hử anh?

– Giỏi chứ.

– Ông ấy nói sai mà anh?

– Ừ, sai vì ông ấy chưa phải chán trâu.

Im lặng, một lúc sau, Mai nói:

– Quyển này có bài em ghét nhất, đồ anh biết bài nào?

– Bài Mấy lời khuyên về vệ sinh.

– Sai.

– Bài Chơi đùa không phải là vô ích.

– Sai nốt, anh chịu chưa?

– Anh chịu.

– Em đọc cho anh nghe nhé!

– Đọc khe khẽ thôi, kéo mẹ thức giấc.

Mai nâng quyển sách vừa tầm mắt, đoạn nó đọc:

« Ông tôi.

« Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi. Đầu râu tóc bạc, da đã nhăn, má đã lõm, lưng đã còng, đi đâu phải chống gậy. Ông tôi không làm việc nặng nhọc nữa. Thường ông tôi ở nhà coi sóc cho cha mẹ tôi và dạy bảo chúng tôi. Thỉnh thoảng ông tôi kể chuyện cổ tích cho chúng tôi nghe... Chúng tôi lấy làm thích thú lắm. Những khi đi học về, tôi hay đem chuyện nhà trường nói cho ông tôi nghe. Ông tôi lại nhân đấy mà giảng giải cho anh em tôi học được nhiều điều khác nữa.

« Tôi yêu ông tôi lắm »,

Dứt bài, Mai buông quyển sách rơi xuống đất. Giọng nó buồn buồn:

– Ông chúng nó tốt quá anh nhỉ?

– Ừ.

– Tại sao ông chúng mình không kể chuyện cổ tích hử, anh?

– Chắc ông ghét anh em mình.

– Tại sao ông ghét?

– Chắc mẹ con mình nghèo.

– Tại sao qua sân nhà ông, chúng mình run cuống cuống?

– Chắc anh em mình mồ côi.

Mai nín thinh. Đôi mắt con bé hoe đỏ và đôi mắt Hữu những giọt nước mắt cũng sắp sửa tuôn trào.

Hữu bỗng hối hận vì trót khơi nỗi buồn cố hữu của gia đình với em. Rồi chẳng muốn ôm lấy nhau mà khóc như mọi bận, nó cố gượng khôi hài:

– Em có biết tại sao đầu ông ngoại trọc tều tựa cái bình vôi không?

– Chắc ông ác.

– Đúng.

– Ông không có râu anh ạ! Ông còn sống lâu lắm, em ghét ông ghê.

Hữu phá ra cười. Mai cười theo, thích thú. Nhưng sau đó, Hữu thấy má nó ươn ướt. Nó sợ em nó hay nên vội lảng sang chuyện cái điều.

– Anh định làm điều cánh thoi, Mai ạ.

– Điều cánh thoi là gì?

– Là hình nó giống hình con thoi ở khung cửi ấy.

– Thế điều cánh cốc?

– Điều cánh cốc giống hình con cốc bay.

– Thế điều cánh phản, điều bì?

– Điều bì to bằng ba gian nhà, trẻ con chơi sao được.

– Thật hử, anh?

– Em mó vào dây thì nó lòi em lên giòi,

– Anh chỉ dọa em.

– Chả tin, chiều nay ông xã Thản thả điều bì em ra bãi mà xem. Nó bổ xuống cứ gọi là vỡ sọ.

– Eo ơi, em thềm vào chơi điều bì. Vậy ngủ đi, chút nữa vót xong khung anh gọi dậy.

Mai lại ngoan ngoãn nằm xuống chống. Đôi mắt con bé khép kín và hơi thở đều đều nường giấc nó ngủ.

Buổi trưa nhà quê vắng vẻ. Sự tĩnh mịch này đã quá quen thuộc đối với Hữu. Dường như, nó đã lớn, đã biết chịu đựng. Nó nhìn Mai ngủ, bất giác thấy ghen ngào.

Ba bốn hôm liền, Hữu để tâm vào việc làm điều. Thoạt đầu, nó vác dao rửa ra bụi, chặt khúc tre cọc. Tre cọc thì già và dẻo, dễ uốn, thẳng Vọng bảo nó thế. Nó ngồi chẻ tre thành những thanh nhỏ rồi lấy dao vót. Chẻ chán, vót chán cũng vẫn chưa được. Hai bàn tay nó xước xát nhiều vết dao xuyết đứt. Mấy ngón bên

phải, dao cứa sâu máu chảy đỏ loè. Lòng bàn tay, ở dưới ngón, nhiều chỗ mọng nước. Mẹ nó mắng nó. Mẹ nó xé vải áo cũ rịt thuốc lào vào vết thương, buộc lại. Mẹ nó cấm nó nghịch. Nhưng mỗi buổi chiều, tiếng sáo điều nổi lên vang lừng cả bầu trời thôn dã và từng bọn người, lớn thì thả điều lớn, nhỏ thì thả điều nhỏ ở bãi trống khiến lòng Hữu xốn xang khó tả. Nó quên cả lời mẹ dặn, cả những ngón tay rịt thuốc lào, hý hoáy chặt tre, vót khung điều. Đến nổi, bữa ăn không nhớ, Mai phải gọi.

Hữu thường trốn Mai, tìm nơi nào thật kín, cặm cui làm. Vì em nó hay hỏi vợ vẫn nên nó hay bị hỏng. Hôm qua vừa vót nhẵn xong bộ khung, Mai tới phá đám.

– Sao anh lại vót bằng mảnh chai?

– Mảnh chai dễ vót mà có nhỡ tay cũng không bị lẹm nhiều.

– Anh nói dối, tay anh đứt, anh sợ dao thì có. Nếu anh sợ, để em vót hộ nhé?

– Em làm hỏng mất.

– Không, em vót tài lắm mà, cho em vót anh nhé?

Hữu ngăn ngừa. Em nó vội lấy dao, giăng cái nan trong tay nó. Con Mai giăng mạnh quá. Cái nan gãy. Hữu định trách em song thấy mặt em buồn thiu ra đáng hối hận, nên nó gượng cười, an ủi em:

– Tre này xấu quá em ạ! Vừa đụng đã gãy thì chịu sao nổi gió to. Anh phải kiếm khúc tre khác mới được.

Vậy là mất thêm nửa buổi. Hôm nay khung điều đã hoàn thành. Mai ngồi im xem anh lấy dây buộc vào giữa mỗi chiếc nan, cân nặng nhẹ. Hễ bên nào nặng, Hữu lại cầm miếng thủy tinh vót bớt đi cho tới khi hai bên bằng nhau. Xong, nó buộc khung cái ở giữa hai nan. Rồi mới gò thành hình cái điều cánh thoi. Anh em thằng Hữu tin chắc nó sẽ lên cao ghê lắm. Mai vẫn ngồi im thin thít. Con bé muốn hỏi nhưng sợ tội hôm qua nên đành bấm bụng. Mắt nó long lanh nổi vui. Hữu đưa cái khung, tác phẩm vĩ đại của nó lên, ngắm nghía.

– Đẹp không?

– Đẹp.

– Điều cánh thoi đấy.

– Điều của anh có đuôi không?

– Không.

– Em thấy thằng Vọng nó thả điều có đuôi cơ mà?

– À, điều của nó là điều cánh cốc.

– Sao anh không làm điều cánh cốc?

– Tại anh không biết làm.

– Sao anh không biết làm?

– Tại thằng Vọng chỉ dạy anh làm điều cánh thoi.

– Thế hử, nó tồi nhỉ, anh nhỉ?

– Ừ.

– Điều anh có sáo không?

– Không.

– Sao không có sáo?

– Tại điều của anh bé. Nếu nó nhẹ đầu thì anh buộc cái vè cho nó kêu ve ve...

– Sao biết nó nhẹ đầu?

– Thằng Vọng bảo lúc thả điều nó buộc lèo, nặng đầu hay nhẹ đầu nó chữa hộ. Sang năm, anh làm điều bo.

– Điều bo hình thù thế nào hở, anh?

– Điều bo kêu bo bo, điều bì kêu bì bì...

Hữu nghe tiếng sáo mà đặt tên điều, em nó hỏi nó cứ trả lời bừa. Mai ngớ ngẩn tin là thật. Con bé giục anh làm nhanh để chiều chiều khi mặt trời chui dưới bụi tre thì đem điều ra bãi thả. Cái điều, tự nhiên, hứa hẹn với anh em thằng Hữu bao nỗi vui mừng sau chuỗi ngày tẻ nhạt ở bến đò quê ngoại.

Khung điều thơm tất, thằng Vọng gặt đầu khen đẹp. Như thế, Hữu có thể yên tâm phát giấy. Mẹ Hữu mắng nó lấy lệ rồi cũng mở hòm cho nó quyền sách thuốc của cha nó để nó phát điều. Hữu đem bún phết vào khung điều, xé giấy thành từng mảnh phát. Song cuốn sách thuốc của cha nó cũ quá, giấy lại mỏng, sợ không chịu được sức gió nên thằng Vọng xúi Hữu xin tiền mẹ mua giấy bản mới. Nó mắng Hữu ngu, phát điều phải phát bằng nhựa sung. Mẹ Hữu đi chợ mua giấy ngay. Mai kiếm vỏ trai cho anh đựng nhựa.

Những cây sung gần nhà Hữu cao lắm, nó sợ chả dám trèo. Mai bàn tới ông ngoại xin vì cây sung ở cầu ao nhà ông thấp lè tè. Anh em thằng Hữu vác dao, vác vỏ trai vào nhà ông. Ông nó đi vắng, các cậu mợ cũng đi làm cả. Hữu ngại

ngân toan bỏ về, rồi nghĩ ông có biết cũng chẳng sao. Mai đứng trên cầu ao, Hữu lội xuống nước chặt mấy nhát dao vô thân cây. Xong, hứng vỏ trai đợi cho nhựa chảy đầy. Anh em nó mang nhựa ra ngõ, đang vui vẻ cười nói thì cậu chúng nó từ ngoài ngõ xăm xăm bước tới. Cậu hỏi chúng nó vào nhà làm gì. Hữu trả lời xin nhựa sung về phất điều. Cậu nó cấm chỉ từ nay không được lai vãng gần khu nhà cậu. Ngay lúc đó, bọn trẻ con ở đâu ở ra. Anh em thằng Hữu sợ bị bắt nạt như mọi bận, cấm cổ chạy. Nhựa sung rót bắn cả quần áo. Chỉ có tí nhựa sung mà xuýt nữa anh em thằng Hữu bị sỉ nhục. Nó thấy mối thù của nó đối với bên ngoại càng ngày càng to lớn. Sự ghen ngào dâng lên cổ họng, vướng vít cả nỗi niềm. Hữu nhìn em, em nó nhìn nó, bốn con mắt một ý nghĩ. Nhưng nghĩ tới

cái điều nhiều hơn, thành thử quên ngay họ ngoại.

Giấy bản, nhựa sung sẵn rồi, thằng Vọng ngồi dạy Hữu phất điều. Nó bắt Hữu vò nhàu giấy xong hãy dán. Hữu làm y lời nó. Chẳng mấy chốc, anh em thằng Hữu có cái điều cánh thoi nho nhỏ. Bấy giờ, đúng dịp mẹ Hữu nhuộm vải. Thằng Vọng giục nó quét nước nâu lên giấy. Phơi khô rồi lại quét. Làm vài lần thì giấy cứng, gió bão cũng không thủng được. Quả nhiên, cái điều của Hữu cứng cáp, màu nâu non đẹp ghê. Hữu còn thiếu dây. Nhưng dây khỏi lo. Mẹ nó hứa cho nó cuộn dây gai. Hữu chả phải tước dây chuối. Dây chuối luộc mới dai, bền, phiền phức lắm. Vậy thì Hữu chỉ sợ điều không lên. Thằng Vọng cứ luôn cái mồm:

– Không lên cứ đem cái đầu tao ra mà chặt.

Nó cầm cái điều, sửa nắn cái lèo ra chiều đặc ý. Anh em thằng Hữu tin tưởng vào nó. Tâm hồn lâng lâng cơ hồ cái điều nuốt dây lên cao, cao mãi....

2

Buổi chiều, trời chưa tắt nắng. Thế mà ngoài bãi đã đông trẻ thả điều. Đứa điều cánh cốc, đứa điều cánh phan, đứa điều tàu bay, chạy chạy, đâm đâm rồi rít. Những chiếc điều như muốn làm đóm thêm cho bầu trời xanh. Anh em thằng Hữu cũng có mặt nơi đây. Mẹ Hữu dặn đi dặn lại rằng hết nắng hãy thả điều kẻo mùa này là mùa viêm nhiệt, cảm thì chết. Chờ mãi vẫn còn nắng. Gió đã nổi lên rì

rào. Điều của thiên hạ lên phơi phới. Sáo kêu vi vu, vi vu...

Anh em thằng Hữu cầm lòng chẳng được bèn chạy ủa ra. Hữu dặn em:

– Em cầm chỗ này. Hễ anh hô “đâm” thì “đâm” nhé?

– “Đâm” xuống đất hử, anh?

Hữu phì cười:

– “Đâm” lên trời chứ.

Mai cãi:

– Sao anh không bảo em tung điều?

– Tại chúng nó gọi là “đâm”. Em nhớ nhé?

Mai gạt đầu. Hữu vắt cuộn dây xuống bãi cỏ thả ra một quãng khá dài. Em nó nhìn nó, toét miệng cười:

- “Đâm” chưa anh?
- Chưa.
- Còn đợi gì hử, anh?
- Đợi gió.
- Bao giờ mới có gió?
- Có gió rồi đấy, “đâm” đi!

Mai cuống quít tung bừa khiến cái điều xoay tròn mấy vòng rồi bổ xuống bãi. Hữu thất vọng và bắt đầu tiếc chiếc kẹo vùng cho thằng Vọng.

– Em “đâm” lại đi, đừng sợ, cứ thong thả đưa lên thì mới được, “đâm” đi.

Mai lại “đâm”, Lần này Hữu cầm dây chạy, chả biết cái điều xoay cách nào, bọn trẻ con cười ầm ỹ. Ngoái cổ, nó thấy cái điều nằm ở dưới bãi lúc nào, mà cứ chạy.

Thằng Vọng trong làng ra vừa tới nơi. Nó sửa cái lều ngay ngắn. Rồi nó bảo Hữu ra “đâm”. Nó dú dú, nghiêng người bên trái, chạy bên phải, mắt theo rãi điều, tay nó giựt giựt. Chỉ một lát sau, cái điều ăn gió, lên vun vút.

Hữu thả hết dây. Cuộn dây dài hơn của những đứa khác nên điều bay cao nhất. Dây thả chứ không văng. Bao nhiêu đứa xúm lại khen ngợi. Thằng Vọng được phen khoe tài. Anh em Hữu dẫn điều về khu vắng, buộc vào cành cây trên nấm mộ rồi cùng nhau nằm ngắm cái điều nhỏ bé đang lơ lửng giữa bầu trời.

- Thằng Vọng nói đúng thật.
- Nó tài anh nhỉ?
- Ừ, điều của mọi đứa nặng đầu, nhẹ

đuôi. Cánh phải nặng, cánh trái nhẹ cứ lung tung. Thế mà điều của anh em mình thả là lên liền. Rồi anh làm cái điều cánh cốc cho em.

– Thật hở, anh?

– Ừ.

– Con gái cũng thả điều à?

– Ừ.

– Em có thấy đứa nào ngoài bãi đâu?

– À, à.... tại chúng nó... nhà quê?

– Thế anh em mình cũng nhà quê mà?

– Nhưng trước mình ở tỉnh.

– Ở nhỉ!

Anh em Hữu đang nói chuyện vớ

vẫn thì thằng Vinh tới. Nó đòi Hữu cho nó cầm một tí. Hữu cười. Vinh nằm cạnh Hữu ngắm điều cánh thoi của Hữu rồi thò vào rút quyển sách nó dặt trong cặp quần, khoe Hữu:

– Mà có quyển này không?

– Quyển gì?

– Xem thì biết, hay lắm. Em mà chắc thích.

Hữu cầm quyển sách. Đó là quyển Quốc văn Giáo khoa thư lớp sơ đẳng. Quyển này hay thật. Nhiều truyện nhiều tranh. Hồi xưa, Hữu cũng có, nhưng dọn nhà mấy bận, rơi đâu mất. Hữu đưa cho Mai đọc. Em nó giở ra làm nhăm ngay: « Xuân đi học coi người hớn hở, Gặp cậu Thu đi ở giữa đường... » Thế là Mai quên điều, nằm ngửa trên bãi cỏ say mê dở hết

trang này sang trang khác. Thằng Vinh đọi Mai đọc xong bài Con hổ và con gà trống, đòi lại. Mai nài nỉ:

– Cho tao mượn tí nữa, làm bộ thế? Mày cầm điều anh tao có tiếc đâu?

– Nhưng tao về đây.

– Về làm gì, ở đây chơi điều.

Mai đập nhẹ vai anh:

– Anh cho nó chơi điều với anh nhé!

– Ủ.

Thằng Vinh nằng nặc đòi quyền sách khiến Hữu phải bảo nó;

– Cho em tao mượn rồi ít nữa tao làm hộ mày cái điều.

Vinh ngồi nhồm dậy. Hữu tưởng nó giăng sách chạy về, không ngờ nó sát gần

Hữu, nói khẽ:

– Tao không nhờ mày, tao muốn hỏi nhưng sợ mày chửi.

– Tao không chửi bậy, mẹ tao nghe thấy đánh chết Mày thể đi.

– Tao không biết thể.

Vinh nghiêm nét mặt, chỉ trỏ ngón tay:

– Đứa nào chửi tao, trời đánh thánh vật nhé?

– Ủ.

Rồi vẫn như chưa tin hẳn. Vinh gắng hỏi:

– Thật nhé?

– Ủ, mày muốn hỏi gì?

Vinh thăm thì:

– Mày đổi điều lấy quyển sách không?

Hữu ngạc nhiên:

– Đổi điều tào lấy sách của mày?

Hữu nói to làm Mai đang say mê bài Chuyện anh em họ Điền vùng dậy hỏi:

– Gì thế anh?

– Thằng Vinh nó đòi đòi sách lấy điều của anh em mình.

Em nó nín thinh. Con bé gấp sách lại. Vinh khoe khoang:

– Thằng Bảo muốn đổi điều của nó cho tao nhưng tao thích điều của mày.

– Tao vừa làm xong, mới thả hôm nay, tao không đổi.

Mai lẳng lẳng ném trả sách thằng Vinh, nó nói:

– Mày không đổi thì tao đổi cho thằng Bảo vậy.

– Kệ mày.

Vinh xấu hổ nhét sách vào cặp quần rồi bỏ đi. Mai trông theo bóng nó rồi nhìn cái điều nghiêng bên này, ghé bên kia cơ hồ muốn bốn cột với gió mùa hạ. Bất chợt, Mai hỏi:

– Sách của thằng Vinh hay hơn sách của em. Không có bài Ông tới anh ạ! Lại lớp sơ đẳng nữa. Nhiều bài hay ghê...

Giọng em nó buồn buồn. Hữu cảm thấy điệu buồn ấy đang len lỏi trong tâm hồn nó. Mai đứng dậy, ra bứt cỏ may. Hữu muốn hỏi em nhưng lại thôi. Tự nhiên, lòng nó bần khoản. Nó chẳng thiết ngắm

con điều đang ổng ọ chao đi chao lại trên nền trời chiều hạ. Hữu gọi Mai:

– Em ơi...

Con bé ngoái cổ, nhếch mép cười gượng gạo:

– Anh hỏi em gì?

– Em không thích điều à?

– Thích chứ.

– Em có thích quyển sách của thằng Vinh không?

– Có. Nhưng đổi điều thì em không thích. Điều của anh làm mà.

Phải, điều của Hữu làm. Nó đã cạm cùi bao nhiêu ngày. Tay nó còn vết dao cửa. Da non chưa làm già trên những chỗ làm mọng nước. Nó đã cùng em lặn

lội dưới ao chặt nhựa sung bên nhà ông ngoại, hai anh em bị hắt hủi, xua đuổi. Nó đã lấy cả sách thuốc của cha đem phát điều, cả cuộn dây gai mà cha mua ngày xưa để khâu lốp xe, nay mẹ cho anh em nó thả điều. Nó còn mắc tội lấy trộm kẹo vừng cho thằng Vọng nữa. Cái điều của nó đã bay bổng. Nó sung sướng lắm rồi. Thế mà thằng Vinh đòi đổi sách. Em nó thích sách của Vinh. Em nó không nói thích sách hơn điều. Hữu biết em nó. Con bé mồ côi cha, mẹ thì nghèo khổ, lại ham học. Ham học nhưng thiếu sách. Nó đã thấy em nó thuộc lòng cả quyển Quốc văn Giáo khoa thư lớp dự bị. Nó đã thấy mắt em ánh lên những tia thèm thuồng cuốn sách của thằng Vinh. Đáng điệu em nó lúc này sâu não làm sao! Tuy sự sâu não chưa đến nỗi rơi nước mắt như mùa xuân năm ngoái, khi em nó ôm chiếc lông và bộ lông sáo sừng nước.

Hữu chợt nhớ rằng nó còn nợ em nó một nỗi buồn. Nỗi buồn ấy nó chưa trả và chẳng thể nào trả được. Nó chỉ có thể thay vào đấy bằng một niềm vui nhè nhẹ. Hữu nhìn chiếc điều cánh thoi. Nó chỉ chơi được trọn mùa hạ. Hữu nghĩ đến quyển sách sẽ chơi với em nó trọn quãng đời thơ ấu. Và nó bỏ mặc em đứng ngơ ngốc, cầm cổ vừa chạy vừa đuổi theo thằng Vinh vừa gọi. Hữu nói đổi điều cho Vinh. Nó hả hê chạy theo Hữu về phía con Mai đứng chờ, Vinh trao quyển sách tận tay Mai. Nó nói:

– Anh mày bằng lòng đổi cho tao rồi.

Mai ngáp ngừng, mắt con bé chớp mau. Nó cầm quyển sách, xịch lại gần anh thở thê hởi:

– Anh đổi rồi à?

– Ủ.

– Dại lắm anh ạ! Điều làm tổn công phu.

Hữu hiểu em nó thương nó, em nó không muốn vì quyển sách mà mất điều. Mai chăm chú ngắm bìa quyển sách. Phân vân, Hữu cúi xuống nói thầm với em:

– Điều của anh sắp hỏng, thằng Vọng vừa bảo anh rằng chỉ chơi được vài hôm thôi.

Hữu nói dối em. Mai tưởng thật, đang ủ rũ, vụt tươi tỉnh.

– Thật hử, anh?

– Thật, nói khẽ chứ kéo thằng Vinh nghe thấy nó không đổi nữa.

– Rồi anh có làm điều nữa không?

– Có, anh làm điều to bằng hai chiếc này.

– Thật hử, anh? Có phải cho thằng Vọng kẹo nữa không?

– Không, bây giờ anh làm một mình được.

Anh em thằng Hữu nhìn nhau cười khúc khích. Mai nháy nhót sung sướng. Con bé đem sách ra chỗ xa ngồi đọc. Vinh và Hữu nằm dài trên bãi cỏ ngắm điều. Hữu bảo Vinh:

– Mà cho tao mượn chơi nốt ngày mai nhé?

– Nhỡ mà làm hỏng của tao thì sao?

– Thì em tao trả mà sách.

– Chịu thôi, đã khoèo tay rồi, đổi

cắm trả lại, “cạn sông cạn ngòi mới đòi được nhau”.

– Hể hông tao làm cho mày chiếc khác.

– Chiếc khác tao không thích.

Hữu nuốt nước bọt tiêng tiêng. Gió chiều thổi mạnh. Con điều ăn no gió, còn thềm mây. Nó chao mãi như thể nó chào vĩnh biệt Hữu. Hữu theo dõi hình dáng bé nhỏ của chiếc điều cao tí. Đột nhiên nó nghe tiếng “bựt” Dây điều văng xuống từ từ. Và trên nền trời trong xanh, chiếc điều cánh thoi của Hữu mất sức nghiêng ngửa. Nó lộn vài vòng cơ hồ người mất hồn và bị gió cuốn đi.

Hữu chết lặng nhìn theo. Vinh đứng phắt dậy, chạy ngay về phía con Mai, giằng mạnh quyển sách rồi cầm cổ chạy biến.

Mai chưa hay gì. Con bé ngạc nhiên, đôi mắt tròn xoe trông theo thằng Vinh vừa chạy vừa reo âm ỹ:

– Điều thằng Hữu đứt dây rồi!

Hữu đứng cạnh em, lắp bắp một câu trống không:

– Điều... đứt... dây... rồi...

Mai nhìn dáng điệu thiếu náo của anh mà thương hại. Con bé thản nhiên nói:

– Đứt dây thì thôi anh ạ!

– Nhưng em mất sách.

– Sách nào cơ anh?

– Sách của thằng Vinh.

– Quyển ấy không hay, có mỗi bài hay nhất thì em thuộc rồi.

– Thật hở, em? Bài nào?

– Bài ông Lý Tích sắc thuốc cho chị, vô ý để cháy mất bộ râu...

Mai trả lời xong cười khúc khích. Hữu cũng cười. Anh em Hữu quên ngay nỗi buồn trong khoảnh khắc, nằm lăn ra bãi cỏ, cười rữ rượi. Nhưng, giây lát sau, anh em nó mới rõ mình cười vờ. Đứa này nhìn đứa nọ, bốn con mắt non nớt gặp nhau. Và những giọt nước mắt bắt đầu rơi rụng.

(1962)

HUỲNH PHAN ANH

CHUYẾN ĐI TUỔI NHỎ

Đó là con đường tắt băng qua địa phận ngôi trường tiểu học châu thành. Những buổi đi chơi ở bờ hồ hoặc từ nhà bạn về, đứa bé vẫn dùng lối đi đó thay vì phải đi vòng qua trường trung học đổ xuống ngã tư ở đầu cầu rồi lại lội ngược trở về hướng chợ, nhà nó ở đó. Nó chỉ cần chui qua một lỗ rào, men theo một lối mòn giữa những đám cỏ dại, vượt khoảng sân rộng, ra đến

công trường và đi thêm một đoạn ngắn là tới nhà. Nó vẫn lấy làm thích thú với sáng kiến mà nó cho là riêng thuộc về nó, nhứt là lần đầu tiên khám phá cái lỗ chó lẩn khuất giữa những hàng cây dâm bụt chạy dài theo bờ rào. Nó quả quyết không ai tìm ra cái “lỗ chó” đó trước nó. Điều càng khiến cho nó hãnh diện hơn là những đứa trẻ khác, bạn học cùng lớp hay khác lớp với nó, cũng đã dần dần nhận ra tầm quan trọng của con đường. Lẽ ra bọn chúng phải kể đến công của nó đầu tiên và phải phục lặn nó mới phải. Đó là điều đứa bé vẫn thầm nghĩ với một niềm vui sướng khoái trong lòng mỗi khi một mình hay cùng chúng bạn đi qua con đường bắt đầu từ một địa điểm hoàn toàn bí mật đó.

Nhưng cũng con đường tắt đó hôm nay không còn gây ở nó một cảm giác

hào hứng hay thích thú nào. Lần đầu tiên, trên những bước chân quen thuộc của mình, đứa bé thấy buồn kỳ lạ. Tự nhiên nó thấy mình đi chậm lại, có lẽ vì đầu óc nó đang mãi nghĩ ngợi những chuyện gì tận đâu đâu. Nó không thể nào bay nhảy, lòng rộn ràng hơn hờ như bao nhiêu lần trước. Dưới mắt nó, dường như mọi sự đều đã đổi khác với những màu sắc, những dáng vẻ mới lạ hẳn, không còn gần gũi và thân mật với nó như mọi khi. Từ đám cỏ dại nằm rạp dưới chân nó, từ những bờ tường tróc lở của các phòng học, từ những mái ngói phủ đầy rêu xanh, cho đến những thân cây to đứng sững giữa sân trường, cho đến những tàng cây, cho đến màn trời ở trên kia, cao vút và lặng lẽ, có thể nói chưa bao giờ trông nó bát ngát đến như vậy. Tất cả đều khác. Kể cả cái phần hồn non nớt của nó lúc bấy giờ cũng thấy xao

xuyến. Buồn. Nỗi buồn tưởng chừng có thể làm cho tâm hồn nó tan nát đi được. Nỗi buồn vẫn tiếp tục bám chặt lấy nó, khó lòng lãng quên, khuây khỏa.

Mới đây, trong nhà anh em thằng Châu, con Nga, vào phút cuối cùng, khi từ già bọ chúng ra về, nó đã nghe hai mắt cay cay, rướm lệ, xuýt chút nữa nó đã khóc vì không cầm giữ được cơn xúc động quá lớn lao so với sức chịu đựng của nó. Nó nhìn mặt mày hai đứa cũng thấy buồn hiu. Nó đoán ra rằng chính chúng cũng đau khổ không kém gì nó. Biến cố quái ác xảy đến bất ngờ quá: trước đây có bao giờ chúng nghĩ đến ngày này, giây phút này, cuộc chia tay của chúng. Ba đứa là bạn học cùng lớp với nhau. Chúng bắt đầu quen nhau từ những ngày còn học lớp vỡ lòng, đúng ra là ngay từ buổi học đầu tiên của chúng. Ngày nào đây,

chúng còn bé bỏng, sợ sệt, nép sát bên tà áo mẹ, đến trường. Ngày nào đây, chúng còn nhìn nhau lăm lét, xa lạ, mỗi đứa tìm kiếm một câu nói mở đầu làm quen để rồi sau cùng không đứa nào đủ can đảm ngỏ lời trước; Tuy nhiên phải nói là chúng đã thật sự quen biết nhau, gần gũi nhau, thân mật nhau ngay từ những giây phút ngỡ ngàng đầu tiên đó khi đã rời khỏi bàn tay triu mến của mẹ, khi đã mất đi điểm nương tựa sau cùng. Có thể nói, chưa bao giờ hình ảnh buổi khai trường năm đó lại hiện lên trong trí nó rõ ràng hơn như lúc bấy giờ. Nó biết rằng mai đây nó đành phải xa những người bạn bé bỏng từ lâu vẫn rộn ràng bên nó như bóng với hình, người ta xa nhau không biết đến bao giờ mới gặp lại. Nghĩa là nó còn có bốn phận phải nhớ nhiều hơn nữa những hình ảnh quý báu kia như đó là một bằng chứng của sự trung thành.

Đến lúc phải từ biệt ra về, đứa bé nói rất nhanh trong một cố gắng phi thường:

– Thôi Trúc về nghe, Châu với Nga ở lại mạnh giỏi.

Nó quay mặt và bước đi như chạy ra khỏi cổng nhà bạn như để khỏi phải nói thêm một lời nào nữa vì có thể tiếng khóc của nó sẽ bật lên cùng với lời nói. Bởi ghen ngào. Hơn nữa là để hai bạn khỏi nhìn thấy cơn xúc động của nó: mặt mày nó lúc đó hẳn là khó coi lắm. Ra đến ngoài đường, nó thấy người nó nhẹ nhõm. Chỉ còn lại một mình nó với nỗi buồn. Nó bước chậm lại. Nó đi dọc theo bờ hồ, nơi có những chiếc băng đá im lìm bên những cây soan tây với cành lá nghiêng nghiêng soi bóng nước. Những cánh hoa đầu tiên đã diêm, trên cành lá cũng như trên mặt nước, màu đỏ như máu tươi. Đối với nó đó là những tiếng

kêu gọi, giục giã của những ngày vui, rộn ràng và thỏa thích. Mùa hè đã bắt đầu, hứa hẹn bao nhiêu cho một đứa học trò chín tuổi vừa mới già từ một năm học tù túng, nhìn ra những ngày dài đầy ắp những cuộc chơi, những điệu cười hồn nhiên trước mặt. Tiếc thay nó phải vắng mặt lần này. Ôi! Mùa hè như một cuộc vui lớn nó chưa kịp bước vào tham dự.

✱

Đó là lần cuối cùng đứa bé đi trên con đường tắt về nhà, xuyên qua địa phận khu trường tiểu học. Cái gì hôm nay đối với nó cũng đều mang một ý nghĩa duy nhất. Ý nghĩa của lần sau cùng. Của cuộc từ già. Lần đầu tiên nó nhìn mọi sự một cách chăm chú như để cất giữ hoài hoài trong trí từng chi tiết xuất hiện dưới mắt

nó, tất cả quen thuộc bao nhiêu nhưng nó có để tâm tới bao giờ. Nó nghĩ phải nhìn lại tất cả một lần sau cùng. Nó nghĩ phải đi thăm lại từng con đường rợp bóng mát, từng bãi cỏ mượt xanh, từng vườn cây sầm uất, từng đứa bạn... tất cả, không sót một thứ gì, không thiếu một ai: công việc mà nó thừa biết sẽ không tài nào thực hiện cho đầy đủ. Đã trễ quá rồi. Ngày mai, sáng sớm, nó phải lên đường. Thôi thì chỉ còn cách hy vọng một ngày nào đó, nó còn có dịp nào trở lại tỉnh lỵ nên thơ và trù mẫn này, xưa nay vẫn nổi tiếng với những vườn dừa sầm uất, với những dải cù lao uốn éo như đàn rồng chạy trên biển nước mênh mông.

Thế rồi, nó thăm hẹn với tỉnh lỵ như với một người bạn thân yêu nhất đời. Tưởng tượng rằng tỉnh lỵ như có một tâm hồn, như biết lắng nghe, như đang

trò chuyện cùng nó. Đó không phải là quê hương, nơi chôn nhau cắt rún của nó, nhưng chính là nơi nó đã sống những ngày thơ ấu với những kỷ niệm đẹp nhất. Và ngôi trường — đang đứng sững trước mắt nhìn của nó, bắt đầu từ một nhánh rễ cây nhô lên khỏi mặt đất, nơi nó đang ngồi, không biết từ lúc nào — đã trở nên quen thuộc với nó bao nhiêu, gồm hai dãy lớp cao ngất, uy nghi, đầu mặt nhau qua một khoảng sân rộng rợp bóng cây che phủ cả bầu trời. Nó vẫn hãnh diện được học ở đây, trường tiểu học công lập tỉnh thành, hẳn nhiên là đẹp nhất và lớn nhất. Nó càng thấy ngôi trường của nó đẹp hơn những lúc, một mình, hình dung trong từng từng khung cửa sổ, từng miếng gạch lở dưới thêm, từng gốc cây to trong sân phải có hai đứa mới ôm xuể. Nghĩa là khi ngôi trường chỉ còn là một hình ảnh sẽ chợt hiện lên trong ký ức với

tất cả cái vẻ hùng tráng đáng yêu của nó. Buồn thay cho đứa bé khi nghĩ rằng nó không còn dịp nào cắp sách bước vào đó nữa. Nó đảo mắt nhìn một lượt qua khắp các dãy hành lang: im vắng, các lớp học kín mít. Tự nhiên nó tưởng tượng cái mùi ẩm mốc, tẻ lạnh toát ra từ bên trong các lớp học sau những ngày nghỉ trở vào, tâm hồn còn luyến tiếc những giờ phút vui chơi đã qua.

Bây giờ thì nó thấy nhớ nhung, thêm thương cái mùi hương gay gay gắt gắt đó. Nó muốn dời khỏi chỗ ngồi, chạy thẳng lên lầu, xô đúng vào cánh cửa phòng học của nó, bước vào ngồi đúng vào chỗ ngồi của nó, một mình và nhớ nhung, nghĩ ngợi vẩn vơ. Ôi! Bao giờ nữa, nó còn có dịp ngồi học ở đó, bên những người bạn tí hon, dưới cái nhìn khoan dung của người cô dạy học, nghe văng vẳng tiếng

chuông ngân nga từ ngôi chùa cạnh đó. Bao giờ nữa, nó còn được dịp rủ rê lũ bạn, trước giờ vào lớp hay vào giờ ra chơi, kéo nhau ra bờ hồ, nghịch nước, vào những bàn chơi banh tay, chia nhau từng cặp tranh tài cao thấp, hoặc tìm một bãi cỏ bày trò đá banh, chạy thi, rượt bắt.

Đứa bé thấy tro trọi lạ. Đối với nó, chuyển đi sắp tới quả thật quan trọng: nó cướp đi tất cả những gì thân yêu gần gũi nhất, chỉ để lại hoài nghi và sợ sệt trước một tương lai hãy còn mù mờ, xa lạ và đầy sự dọa nạt. Nhưng tại sao gia đình nó phải dọn đi? Nó chỉ biết phong phanh là cha nó, một nhà giáo, phải đổi đi về một tỉnh khác gần Sài Gòn. Nó nhớ đã hỏi mẹ nó rất nhiều về chuyển đi nhưng, “chuyện người lớn, con không biết gì”, câu trả lời không thỏa mãn nó chút nào. Chuyện người lớn. Rõ người lớn có quá

nhiều điều khó hiểu đối với nó. Nó tức mình là chưa đủ lớn khôn để được giải thích, tìm hiểu về nhiều chuyện. Không biết đến bao giờ! Nó lại nghĩ, nhưng lúc đó, biết mình có rắc rối như họ bây giờ không.

Trường nó nằm sát bên khu trung học, ngăn cách bằng một bức rào. Những giờ ra chơi, nó thường đứng một mình, lén lút nhìn qua lần rào thưa, theo dõi từng động tác của mấy anh học sinh, quần áo chỉnh tề, mặt mày đạo mạo, đang quây quần nói cười với nhau. Ở họ, cái gì cũng có vẻ quan trọng, ghê gớm, cả những câu chuyện họ đang trao đổi với nhau, có lẽ nó không bao giờ hiểu nổi. Với nó, đó là những anh lớn. Họ không còn ở tuổi nó. Họ đã khác. Họ chưa bằng những người lớn như cha mẹ, thầy cô nó, nhưng qua cử chỉ và giọng nói của

họ, nó thấy rõ họ đã thuộc một thế giới khác nó, cách xa nó hoàn toàn. Mai sau liệu nó có giống họ bây giờ. Thế là hình ảnh của những anh học trò lớn bên trung học với những tác phong “trầm trọng” của họ vô tình góp phần làm nên những giấc mơ thầm kín của đứa bé. Nó mong được thành người lớn, được ngồi học ở những lớp cao, được chơi với rất nhiều bạn cũng lớn trang tuổi mình... mặc dầu nó chưa biết rõ ràng rằng nó mong như vậy để làm gì.

Dường như người lớn bao giờ cũng có những lý do của họ. Bao giờ họ cũng hợp lý. Đây không phải là lần đầu tiên đứa bé phải theo cha mẹ từ chỗ này sang chỗ khác. Năm lên sáu, vừa học xong lớp năm tại một thành phố miền Cao nguyên, lần đầu tiên nó phải bỏ trường, theo gia đình trong chuyến đi xa đầu tiên

trong đời nó: cha nó phải đổi đi nơi khác vì lý do nghề nghiệp. Nơi khác đây chính là tỉnh lỵ êm đềm mà nó đã sống trong một thời gian khá lâu, mà một lần nữa nó phải giã từ. Nhưng phải nhìn nhận rằng chuyển đi năm ấy không khiến nó xaouyến như lần này. Có lẽ tại vì nó còn nhỏ quá. Những gì nó còn nhớ được về thành phố đó không vượt ngoài những hình ảnh mập mờ, thoáng hiện, không có đến một nét đậm đà đủ rung động tâm hồn nó hay tạo thành một kỷ niệm đáng ghi nhớ. Hình ảnh người cô dạy học năm đó nghiêm khắc quá, chỉ khiến nó sợ hãi mà không dám lại gần. Còn những người bạn bé bỏng kia, tiếc thay nó không nhớ tên một đứa nào. Người ta không thể trách nó hay trách những người bạn kia. Họ hãy còn quá nhỏ và tất cả đều mới mẻ đối với họ, những tâm hồn non dại đầy e dè, sợ sệt kia. Và lại, khi

người ta đang ở vào lứa tuổi đó, người ta cần được gần gũi nhiều hơn, cần nhiều dịp để làm quen với nhau hơn. Ngay cả cái thành phố nọ, hãy còn xa lạ bao nhiêu, cũng không để lại một kỷ niệm nào đáng kể ngoài khí hậu quen thuộc của nó: nó nhớ rõ hơn hết những buổi sáng mùa lạnh nằm quẩn mình trong chăn, tay chân run bắn bật, kêu “mẹ ơi, con lạnh” không thôi, thay vì mau mắn bước xuống giường như mọi khi.

*

Đứa bé bước đi trên những bước chậm, đều trên sân cát lún, dời khỏi khu vực trường tiểu học. Nó không quên nhìn lại một lần sau cùng quang cảnh ngôi trường cũ kỹ từng là nơi lui tới của nó trong cả những ngày thơ ấu. Tưởng

tượng nó đang quay mặt nhìn lại chính tuổi thơ của nó trước khi cất bước lên đường trong một chuyến đi quan trọng nhứt đời. Tưởng tượng bao nhiêu tình cảm se thắt, đốn đau cùng một lúc dấy lên trong cái nhìn đó, quá đủ để làm tan nát một trái tim bé nhỏ. Tưởng tượng nó sẽ không bao giờ quên được những cảnh sắc tâm hồn nó hôm nay, Ra đến ngoài, đứa bé vụt chạy như bay. Một quyết định phi thường vừa đến với nó. Nó sẽ biên thư cho các bạn còn ở lại. Đó sẽ là bức thư đầu tiên trong đời nó. Nó có nhiều điều để nói, bắt đầu từ hôm nay.

MUỜNG MÁN VỀ GIỮA MÙA HÈ

*Tặng mẹ tôi và
giàn bầu sai quả*

Dưới đám lá xanh dày mật, những trái bầu dài ngoằng, thông xuống một cách thoải mái. Là loại cây leo tương đối dễ trồng – chỉ trong vòng một tháng, từ cái giàn trống rỗng khô queo tre nứa, mẹ tôi đã có một giàn bầu nồn mượt sai quả, chúng leo mọc luông

tuồng không uốn nắn, ngọn, lá tràn cả ra bốn phía, xâm lược lên tới mái nhà. Có lần, một bà bạn mẹ tôi đến chơi, đứng ngó giàn bầu đã tẩm tặc ví von: “Cái thứ ni in như đàn bà mấn con, hễ trông không sống thì thôi, chớ trông được nó ra trái lia lịa”, nói xong, bà ngỏ ý xin ít cây con đem về, không quên xách theo một trái cỡ bự mẹ tôi có hảo ý hái biếu. Niềm vui của mẹ tôi bây giờ hình như chỉ còn thu gọn ở đám cây trái đó. Muốn làm đẹp lòng bà, không gì hơn thăm hỏi về việc trồng tỉa. Cái giàn không lúc nào bỏ ngỏ, nó tựa mảnh đất nhọc tiểu, liên tiếp chịu sự chiếm cứ của đủ mọi sắc dân. Giống bầu tàn đến giống su, su tàn đến bí ngô, mướp đắng. Cuối mùa, cái giàn gầy trơ xương mục, trông hết sức thảm hại, mẹ tôi phải thuê người chặt tre đan nứa làm lại. Cứ thế, khoảng sân trước nhà luôn có bóng mát niềm vui mẹ tôi

vun cao. Ít ra, cây cỏ cũng chia bớt với bà khoảng trống quanh hiu lữ chúng tôi bỏ lại.

– Mỗi sáng thức dậy ra thấy mấy chùm trái lớn hơn một tí, trưa chiều ăn cơm thấy ngon, sáng mờ khám phá ra vài trái bị sâu tủa hư là y như ngày đó buồn cả ngày, tụi bây đi hết, tao cưng mấy cây bầu cây bí chớ biết cưng ai chừ.

Mặc dù mẹ tôi vừa nói vừa cười, nhưng khi nghe câu đó, tôi lặng người trong cảm giác đắng cay nghẹn cổ, không chống đỡ nổi, tôi lặng lẽ quay đi hoặc vẫn vơ tảng lờ qua chuyện khác. Tôi có cảm tưởng, nếu lúc bấy giờ có một bà tiên đầy đủ uy quyền và phép lạ hiện ra như trong chuyện cổ tích hỏi tôi muốn gì, tôi sẽ ước ao xin được trở thành đứa bé tóc còn để chỏm, để lăn vào lòng mẹ tôi khóc ròng, khóc tạ lỗi, khóc tỏ lòng

thương mến, khóc lau xóa mất dấu cảm giác cay đắng kia đi. Chúng tôi năm đứa, – cuống rún cùng chôn dưới một luống đất, lần lượt dạt xa bàn tay chăm chút của mẹ, xa căn nhà khu xóm, vườn tược thân yêu bởi lý do này hay vì hoàn cảnh khác không cưỡng được. Đứa vì sinh kế, đứa theo chồng con, đứa mắc phải nghề binh nghiệp lính. Tôi là đứa ở trường hợp bất khả sau cùng.

Năm thì mười hoạ, trở về, đứng dưới giàn cây trái nghe giọng nói kể của mẹ, cả một đoạn đời tưởng chìm lẫn trong trí lãng quên, giây phút xô ào về mời mọc mình nhìn ngắm lại. Khí hậu tuổi thơ bao trùm quanh khung cảnh quen thân, mấy bậc thêm có lần bước lên trượt chân vấp ngã. Cây cột đầu hè còn ghi dấu dao khắc ghi đo tầm vóc lớn. Anh Hòa cao hơn chị Nhẫn 10 phân, Huy thấp hơn

Thành 4 tắc... vết dao cắt còn hằn trên gỗ bóng, nhưng chúng tôi có bao giờ cùng trở về hộp mặt để đo lại những ni tắc kia? Cái bể chứa nước mưa, đêm nào tôi nghịch ngợm leo lên nằm vắt chân chữ ngũ dưới ánh trăng, để rồi ngủ lơ mơ lăn tòm xuống nước, ướt loi ngoi kêu khóc chị Nhấn vớt ra. Đứa bé rời mảnh sân, rời bậc thềm, rời cái bể nước, rời những trò chơi quanh quất xó bếp, lớn theo ngày tháng. Quá khứ không hề thiếu máu, băng hoại, quá khứ không hề lên men thối mục hư, bởi tự bản chất nó kiến trúc bằng nhiều chất liệu tốt, gần gũi, ròng. Vẫn có thể bóc bóc ra, mừng tượng được.

*

Tuổi thơ tôi được gọi là êm đềm với trăm ngàn nuông chiều dịu ngọt. Cái trí nhớ thời đó, không ghi lại cho tôi ấn tượng dữ dội nào. Khi lưng dài vai rộng, nhìn lui, mới biết đó là giai đoạn đau buồn nhất của mẹ tôi. Mỗi ngày tôi nhẩn nha cắp sách đến trường, trưa chiều cơm canh nóng sốt, quà bánh ê hề, tôi đâu nhìn rõ, hoặc quá ngây khờ để thấy những nét sầu lo trên khuôn mặt mẹ. Cha tôi vắng nhà hầu như suốt tháng suốt năm. Mẹ tôi giải thích gọn ghẽ:

– Chú – chúng tôi vẫn thường gọi cha bằng chú — tụi bây đi làm ăn xa.

Mẹ tôi quán xuyến tất cả một cách đảm đang. Sự đảm đang trong cung cách ngạo nghễ của nền nếp nho phong và sự cương quyết không hề thiếu vẻ dịu dàng.

Năm tuổi, tôi búi vào gấu áo chị Nhẫn đến trường. Chị tôi học lớp tư. Ốc tôi còn nguyên là trang giấy trắng chưa có chữ a, chữ b, dấu chấm, dấu phẩy nào lọt vào. Vậy mà tôi vẫn nhất định kêu khóc đòi vào ngồi cho bằng được cùng bàn với chị tôi, không chịu xuống học lớp đồng ấu. Mẹ tôi phải nói với ông thầy lớp tư, vốn là người quen biết:

– Thầy cho nó vô ngồi trốn nắng, ở nhà không có ai chăm sóc, tôi bận công việc, nó nghịch phá đủ thứ, đi dang nắng ngoài bờ bụi với tụi trẻ hàng xóm suốt ngày.

Ông thầy lớp tư bằng lòng cho tôi vào ngồi cạnh chị Nhẫn để “trốn nắng”. Tối đó, tôi tha hồ kê cái đầu lên mặt bàn mà ngủ đến giờ bãi theo chị ra về hết sức ngoan ngoãn. Nhưng cũng được đâu độ năm ba bữa, sau đó, đến giờ đi học, tôi

trốn mất tiêu, chị Nhẫn kiếm xó góc nào cũng không có, đành xách cặp đi một mình. Tôi chán cái lớp chị quá rồi, không muốn đến “trốn nắng” ở đó nữa. Phải đợi lên tới sáu tuổi, tôi mới biết hình dáng tròn lẳn đáng yêu của chữ a và cái bụng thon thon của chữ b... Anh Hòa, người anh cả bao giờ cũng có nét mặt lầm lì, thường thường anh ấy chỉ chơi riêng một mình, những trò chơi tôi không thể tham dự được, bởi tôi quá bé hoặc không lớn mật như anh ấy. Anh thường dụi sách vở vào bụi dâm bụt trước nhà theo bọn chăn trâu lăn lộn suốt ngày ngoài đồng trống, da dẻ đen thui đen thui. Anh mê chăn trâu đến nỗi mỗi đêm ngủ tay chân còn máy động miệng la ới ới, tắc tắc, rì rì... Mẹ tôi gửi anh lên tỉnh ở nhà một người bà con trong họ, vì anh ấy học đến lớp nhất, mà ở trường làng chỉ dạy tới lớp nhì. Không biết chăm sóc việc

học hành thế nào, một tháng sau người bà con về báo cáo:

– Hẳn đi theo mấy đứa du côn du kế ngoài chợ, tui chịu không nói hẳn được.

Mẹ tôi lại cất công lên tỉnh dắt anh đến một người bà con khác, lần này gặp phải ông cao tay ẩn anh mới chịu đều đặn ngày hai buổi cấp sách đến trường. 1951, nhà tôi bị máy bay thực dân Tây phá sập (trong lúc chúng tôi đi tản cư và nhà thì Việt Minh chiếm đóng). Tình hình tạm yên, mẹ tôi dồn cả gia đình về ở trọ nhà ông bác. Ở đây tôi hơi bị gò bó một chút. Bác tôi cao lớn, râu mép rậm rì, đôi mắt sáng quắc nhìn chăm chăm vào mặt kẻ đối diện mỗi khi nói chuyện. Đời sống tôi đặt dưới sự kiểm soát của đôi mắt đó nên có phần không được thoải mái cho lắm. Ngoài giờ đi học, tôi tha thẩn đi chơi với người anh con bác tôi, hai đứa

bằng tuổi nhau, có nhiều điểm tương đồng trong ý thích nên sự kết giao này rất hòa thuận, Đánh đáo, đánh căn cù, đá kiệu chán, chúng tôi rủ nhau đi tìm mấy con vật chết (cắc kè, rắn mối, châu chấu...v.v...) làm hòm, bắt chước người lớn tổ chức ma chay đám táng. Trò chơi này hấp dẫn luôn bọn trẻ trong xóm, chúng kéo đến hưởng ứng khá đông. Ở trường về, mỗi đứa lôi trong cặp sách ra một con vật chết rồi bày việc phúng điếu, hẹn ngày đưa đám cẩn thận, quan trọng y hệt người lớn. Những con vật chết chúng tôi kiểm dọc đường tới trường. Dĩ nhiên, những con vật nhỏ, lép, không sớm bốc mùi hôi, chúng tôi mới lượm, thường thường là ve sầu, châu chấu hoặc chuồn chuồn... Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng dễ dàng tìm thấy những thầy ma nhỏ nhắn kia. Nhiều buổi, cả bọn không tìm ra cái xác nào cả. Ông anh con bác

tôi mới nẩy ra sáng kiến: ra đồng chụp châu chấu hoặc bắt bướm về bóp chết rồi chôn. Không biết vì hấp lực nào, chúng tôi bị lôi cuốn bởi trò chơi ghê gớm đó. Vạt đất trống sau chùa, vắng hoang cỏ dại, (nhà bác tôi ở cạnh chùa) là nghĩa trang dành cho những con vật khốn khổ kia. Bây giờ nhớ lại trò ma chay đám táng đó, tôi nghĩ có lẽ bọn trẻ chúng tôi ưa bắt chước việc làm của người lớn, những hội hè đình đám của họ. Chúng tôi đóng kịch khéo để nhái lại họ từ giọng khóc náo nùng thương tiếc, đến giọng ảo não điệu vãn. Nhưng nào đâu biết hành động giết để cử hành đám tang trọng thể là có tội ghê gớm với trời đất thánh thần. Mỗi lần nhớ lại, tôi chỉ còn biết chắc lưỡi: “Hồi đó còn nhỏ, mình đâu đã biết gì”, tự an ủi vậy, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn có chút hối hận. Nếu chúng tôi được sinh ra ở thành phố, hoặc nơi chốn nào khác,

đầy đủ phương tiện văn minh vật chất hơn, nơi mà đồ chơi của trẻ con không thiếu, nơi có công viên để tới đánh đu khi chán đánh đáo, có rạp xi-nê rúc vào lúc chán ừ mọi, chia phe đánh nhau, hoặc có banh để đá khi chán tát cá ngoài ruộng. Ở quê, hồi đó một trái banh bằng da là cái gì rất hiếm, không thể có. Cả làng chỉ ông giáo viên kiêm thôn trưởng và vài ba người khác là có xe đạp, thì thử hỏi đoạn đường từ chốn tối om chúng tôi đến ánh sáng văn minh điện khí tỉnh thành xa vời biết mấy? Nếu thông cảm như vậy, chắc trời đất thánh thần cũng tha lỗi, không nỡ trách phạt bọn trẻ chúng tôi đã phát minh ra cái trò chơi man rợ và kém vệ sinh kia.

Nhà bác tôi khá rộng, gian giữa kê một bộ ngựa, dài đến nỗi tôi có thể dang hết tay chân lẫn một vòng không sợ hụt

té xuống đất. Vàng, bộ ngựa dài và bóng lộn. Chỗ của bác tôi nằm đọc sách chữ Hán hoặc viết giùm mấy cái đơn kiện tụng gửi lên huyện cho mấy ông hàng xóm. Bộ ngựa là nơi bất khả xâm phạm, một vùng đất cấm, phi chiến. Không có lý do gì để bọn tôi leo lên nô giỡn trên đó. Bộ ngựa, mùa hè đặt lưng nằm xuống mát cơ hồ dưới lưng có chèn nước đá. Từ khai thiên lập địa, cấm kỵ, răn đe là quyền của người lớn, còn ý thích và nhu cầu nghịch phá bao giờ cũng là của bọn trẻ con. Nên nhiều buổi bác vắng nhà, tôi và ông anh con bác lên đánh kiếm tập tuồng hát bội. Đứa nào cũng đi chân đất nên dấu chân in rõ mồn một. Bác về, hai đứa nằm thẳng cẳng trên bộ ngựa đó nhận ít nhất là mười roi cảnh cáo. Có lần tôi đi học, ông mãnh kia ở nhà. Ông bác trở về buổi chiều, thấy có dấu chân trên ngựa, ông gọi hai đứa vào, ông mãnh kia

chối, tôi thì nhất định một hai là không rồi. Ông bắt hai đứa lên áp bàn chân lên dấu do để đo. Chân hai đứa cùng bằng nhau và y chang dấu tội lỗi, nên cả hai cùng thẳng cẳng nhận đòn. Tôi giận ông anh con bác muốn học máu mồm và thể chẳng bao giờ chơi với đứa-chối-leo-lẻo nữa. Trong loài động vật có vú, trẻ con là giống chóng quên, ngày mai hai đứa lại cùng nhau đi rất thẳng hàng trong trò chơi đám táng.

Khoảng thời gian này, cha tôi thường trở về, không còn đi mất tăm mất tích nữa. Ông trở về vào lúc giữa khuya. Mẹ tôi thức chúng tôi dậy. Ông ôm hôn từng đứa. Ông cạ chiếc cảm đay râu vào mặt mũi tôi nhột hết sức. Dưới ánh đèn dầu lù mù, nét mặt ông trầm ngâm, đôi mắt xa vắng lơ đãng như thể không nhìn vào đâu cả. Chúng tôi thức dậy giương

những đôi mắt buồn ngủ buồn nghệ nhìn ông. Ông có vẻ hiền dịu hơn bác tôi ở nụ cười. Mẹ tôi ngồi đầu giường mỉm cười triu mến. Thỉnh thoảng cha tôi ghé gần mẹ tôi, hai người thì thầm trao đổi với nhau chuyện gì đó, chúng tôi không thể hiểu nổi. Có khi nghe ông nói xong, mẹ tôi chau mày buồn rầu. Ông ở nán lại chừng một giờ rồi sau đó quay lưng lết ra ngoài khuôn cửa, mất hút trong đêm thẫm. Mẹ tôi tắt đèn, kéo mền lên tận cổ chúng tôi bảo ngủ đi, rồi bà lặng lẽ chui vào mùng, lặng lẽ thở dài.

Mỗi đứa chúng tôi đều có một búng binh bằng đất sét nung để đồn bạc lẻ. Một buổi chiều cuối năm, thấy chị Nhẫn, anh Hòa lấy búng binh ra đập vỡ, tôi cũng làm theo. Mẹ tôi đi ngang qua, bà ngồi xuống nhìn đồng bạc, bà cười nói với chúng tôi:

– Tụi bây định mần chi với ri nấy tiền?

Chị Nhẫn, không biết học khôn ngoan ở đâu ra, chị mau mần nói:

– Để mua thuốc Cẩm Lệ cho chú.

Mẹ tôi ứa nước mắt xoa đầu ba đứa khen giỏi, rồi bà bỏ đi xuống bếp. Chị Nhẫn ra chợ mua hai lạng thuốc Cẩm Lệ, một khoanh giấy trắng mỏng, chị gói thành một cục, đêm nào ngủ cũng ôm khư khư vào lòng đợi cha tôi về.

Mẹ thường bí mật bởi xách đi thăm cha tôi ở nơi chốn heo hút nào đó, bà đi một mình và chẳng cho đứa nào theo. Tôi hoặc chị Nhẫn hoặc anh Hòa xin đi, bà xua tay bảo:

– Xa lắm, con đi không được mô, mỏi cẳng chết, đợi chú về thăm cũng được.

Kết quả những lần đi thăm đó, chúng tôi có thêm một đứa em gái. Mẹ đặt tên em là Huy, vì chỗ cha tôi hồi đó, sau này tôi được biết là doi Mù Huy, một gò đất nổi trên cánh đồng bát ngát, dưới chân núi xanh, cách xa làng chừng mười cây số.

Thời con gái, mẹ tôi là con út của một gia đình trung lưu. Ông ngoại tôi vốn có chút máu nghệ sĩ. Ông sử dụng đàn tranh, đàn cò rất tài tình. Trong số bốn chị em, chỉ mình mẹ tôi có giọng hát khá và ưa thích hát, nên ông tập cho mẹ tôi thuộc khá nhiều bài Lưu thủy, Hành vân, Tứ đại cảnh, Kim tiền, Nam ai Nam bằng.. Đêm trăng, ngày mùa, ông tổ chức ca hát trong sân nhà. Mấy ông cậu tôi, ông nào cũng biết sử dụng vài ba nhạc khí khác nên cả gia đình có thể gọi là một ban nhạc, có vài thôn nữ

khác bằng tuổi mẹ tôi xin nhập vào nữa, thành thử những buổi họp mặt thường đông vui. Cha tôi là một trong số người tới nghe hát. Bởi các buổi ca hát tổ chức với tính cách hoàn toàn gia đình nên ai tham dự cũng được. Cha tôi bị giọng ca của mẹ tôi mê hoặc, ông không bỏ sót buổi hát xướng nào. Ông âm thầm kết thân với mấy ông cậu tôi, để chờ dịp tỏ tình với mẹ tôi. Mẹ tôi biết có người để ý đến mình thì đâm ngượng. Mẹ tôi phát biểu nhận xét về cha tôi:

– Người chi mà ốm tong teo, cao còi không còi kheo.

Tuy nói rứa, nhưng trong lòng không khỏi cảm thấy xao xuyến và hãnh diện đã có người mê giọng ca của mình. Nhưng mẹ tôi không chịu hát mỗi lần thấy có mặt cha tôi, dẫu ông ngoại tôi có nói thế nào bà cũng không chịu hé

môi hát nửa lời. Cha tôi buồn lắm. Mỗi đêm, ông thường giấu mặt sau hàng dâm bụt hoặc qua nhà bên cạnh nằm lắng tai nghe giọng hát của mẹ tôi. Sau gần hai tháng tương tư, ông nói với ông nội tôi mượn người mai mối tới xin hỏi cưới mẹ tôi. Cha tôi thở phào ra nhẹ nhõm khi người mai trở về báo ông ngoại tôi đã chấp thuận. Từ đó mẹ tôi không bao giờ hát cho đám đông nghe nữa. Mẹ tôi chỉ hát để ru chúng tôi ngủ. Nhưng tiếng hát thời con gái, tiếng hát hạnh ngộ đầu đời chẳng bao giờ còn rung lên nữa. Bây giờ, nếu còn có nhớ, chắc mẹ tôi cũng chỉ nhớ những khúc tình sầu mà thôi.

Một buổi trưa, đi học về, thấy nhà bác tôi đông nghẹt người, chị Nhẫn chạy ra ngõ nắm lấy tay tôi khóc:

– Chú bị Tây bắn ngoài đồng, người ta chở chú lên nhà thương rồi, mẹ cũng

lên đó luôn.

Chị Nhẫn khóc, nước mắt ràn rụa trên khuôn mặt vốn trắng của chị, lúc này trông càng tái hơn. Chị dắt tôi vào nhà, đơm cho tôi chén cơm bảo ăn đi, chiều nay lên nhà thương thăm chú. Cha tôi bị Tây bắn, ông làm nên tội gì? Tôi chẳng thể biết được. Tôi hỏi chị tôi, chị lắc đầu. Trong nhà, từ cụm người xúm lại bàn tán. Anh Hòa còn ở trên tỉnh chưa về. Tôi không hiểu, tôi không biết gì hết. Tôi bỏ chén cơm xuống bàn, ngó chị Nhẫn rồi khóc oà. Sau 18 ngày nằm điều trị ở nhà thương, xác cha tôi được chở về trên cỗ xe hàng cũ kỹ. Cha tôi chết, hai năm trước ngày đình chiến, trước khi quân viễn chinh Ma-rốc, Sê-nê-gan. Lê-dương xuống tàu về mẫu quốc. Năm đó tôi sáu tuổi, chị Nhẫn chín tuổi, anh Hòa mười bốn tuổi, Thành bốn tuổi và Huy,

em gái út của tôi, một tuổi. Cha tôi chết, có nghĩa là từ nay chúng tôi hết nghe tiếng mở cửa giữa khuya, hết hồi hộp chờ bước chân người nhẹ nhàng lướt đi ngoài bóng tối, mẹ tôi hết bối xách bằng đồng chỉ sá kiếm tìm, chị Nhẫn thôi mua những gói thuốc Cẩm Lệ ôm vào lòng nằm ngủ đợi người về. Hết, hết, hết, hết. Nỗi buồn mẹ tôi dài theo nước mắt, ướt đầm suốt số tháng ngày đơn lẻ gối chăn.

Một tuần sau khi hiệp định Genève chia phân đất nước tuyên đọc trên đài phát thanh Pháp-Á và công bố trên khắp các mặt báo, một người đàn ông, mặc complet xám, đeo kiếng đen gọng vàng đến nhà, tự xưng là đồng chí của cha tôi. Nhân danh tình bạn cũ, hắn xin mẹ tôi cho anh Hòa theo hắn tập kết ra Bắc để nối chí anh hùng người cha đã vì quốc vong thân. Mẹ tôi, với thái độ kính cẩn

và lo âu, bà xua hai tay:

– Xin cảm ơn lòng tốt của bác, xin bác để cho gia đình tôi được yên ổn, tôi chỉ còn mình nó là đứa lớn như cái đầu tàu để còn kéo sắp nhỏ lên sau này.

Mẹ tôi tiễn ông ta ra cửa sau khi mời một tách trà đậm. Trước khi bỏ đi, như còn áy náy bởi sự từ chối của mẹ tôi, hắn nói:

– Tôi mãi còn nhớ những món quà chị bởi về cho chúng tôi, hồi tôi còn ở chung hầm với anh.

Nhắc thấy tôi đứng thập thò ở kẹt cửa, hắn ngoắc tôi lại, móc túi lấy tờ bạc năm đồng mới toanh nhét vào tay tôi, trầm giọng:

– Cho cháu đi mua quà.

Mẹ tôi ra dấu cho tôi nói cảm ơn. Khi bóng người đồng chí cũ của cha tôi khuất sau rặng dương liễu trước nhà, mẹ tôi quay vào vùi mặt xuống gối khóc ngất.

Mẹ tôi dành dụm được một số tiền kha khá. Bà quyết tâm dựng lại mái nhà đổ nát, không muốn ở chung với bác tôi nữa. Ở nhà kẻ khác, sao bằng được ở ngay nhà mình, dấu người ta có tử tế với mình, mình vẫn mang tiếng là ở đậu. Mẹ tôi nghĩ như vậy và chúng tôi kéo nhau về trên nền đất cũ. Nền đất cũ: sự kết hợp ngoạn mục của vôi vữa, gạch nát, đá vụn, gỗ cháy, cỏ lác, cỏ lùng, cỏ bông gà, cỏ củ, cỏ may... và hiu quạnh. Bác tôi đứng ra trông coi giùm việc cất nhà, nên công việc hoàn tất chóng vánh. Lúc này, chị Nhẫn thôi học, chị ở nhà giúp mẹ tôi việc buôn bán. Tôi đến trường một mình.

Trường làng đã bị phá sập, tôi học lớp nhì ở một trường do các bà phước trông coi (trên đất làng lảng giềng). Ngôi trường nằm cạnh ngôi nhà thờ lớn thủng mái. Mỗi buổi chiều tiếng chuông đổ ngân nga nghe buồn bã lạ lùng.

Tôi đi học một mình, mẹ tôi không yên tâm chút nào. Bà qua nhà hàng xóm mượn đứa con gái ông giáo Phương bên cạnh nhờ coi chừng giùm tôi. Đoạn đường đến trường khá xa đối với tôi, một đứa bé chín tuổi. Mẹ tôi áy náy sợ tôi té xuống cầu xuống lạch mà không ai hay biết. Con bé học cùng lớp với tôi nên thật tiện, mỗi lần đi học, nó đứng trước cổng gọi ới ới là tôi cắp sách chạy ra đi theo nó. Nó lớn hơn tôi năm tuổi, mẹ tôi bắt tôi gọi nó bằng chị, tôi cúi đầu vâng dạ. Con bé có đôi mắt thật hiền và một cái răng cửa sún, có cái tên giống đôi mắt: Hiền.

Tôi chỉ đi chung với Hiền trên đường, đến trường tôi chạy theo bọn con trai cùng lớp chơi với tụi nó, Hiền cũng chơi riêng với bọn con gái ngồi cùng bàn. Lâu lâu Hiền nhắc nhở tôi:

– Có đứa mô hăm đánh là tới kêu chị liền nghe.

Một bữa, tôi sừng húp mặt mày vì bị một thằng oắt xô té nhào từ tầng cấp xuống. Tôi vác cái mặt đỏ đến Hiền. Nó dờn khỏi đám bọn gái của nó, trợn mắt:

– Đã dặn là đứa mô đánh thì kêu chị gấp, quên lời dặn, chẳng thềm dất đi học nữa mô.

Tôi bị đau sẵn nên tức tối cãi:

– Thì đang đến kêu chị đây.

Hiền ngúng nguẩy:

– Nó đánh rồi thì kêu làm chi?

– Nó chưa đánh, nó mới xô ngã thôi.

Con bé chột hiểu, nó cầm tay tôi chạy băng qua sân, hỏi nhanh tên đứa xô tôi, tôi chỉ thẳng oắt đứng lấp ló sau cửa sổ. Nhưng Hiền không chạy tới phía « kẻ thù » của tôi. Nó kéo tôi vào văn phòng trình lên Sœur bề trên. Trong thâm tâm, tôi chỉ muốn Hiền đánh vỡ mặt thằng đó, ít nhất để nó cũng sừng vù như tôi. Hiền không đánh nó mà lại đi mách với Sœur thì ích gì. Chờ Hiền lễ phép nói với Sœur bề trên xong, tôi kéo nó ra sân giận dữ nói:

– Rằng chị không đánh thằng nỏ, lại đi mách, mách thì ích chi ?

Hiền biết tôi nổi giận, hạ giọng, vừa ngọt ngào vừa kẻ cả:

– Đánh chi cho đau tay, để chị bề trên cho nó độ năm điểm xấu, chạy đằng trời tháng ni nó cũng đội sổ.

Nghe Hiền nói thẳng đó sẽ bị điểm xấu, sẽ đội sổ tôi hơi nguôi lòng. Như để an ủi, Hiền dắt tôi vào nhà ông cai trường mua cho tôi hai trái ổi thật lớn. Cái tính ham ăn của tôi, riết rồi Hiền cũng biết ý. Mỗi lần cho tôi cái gì thì phải nhiều hoặc phải to tôi mới chịu lấy. Kinh nghiệm ấy, Hiền học được hôm chia cho tôi nửa trái chuối, tôi phụng chịu không nhận. Hiền hỏi gạn, tôi đáp gọn lỏn:

– Không thích ăn cái gì một nửa.

Con bé thông minh đáo để, chỉ một lần đó thôi mà nó nhớ đời.

Một ngày mùa thu. Đang giữa buổi học, không dưng tôi thấy choáng váng

mặt mày, mắt nổ đom đóm. Tôi gặp người nôn thốc tháo nước xanh nước vàng lẫn thức ăn của bữa ăn sáng xuống gầm bàn. Sœur Camille ngừng giảng bài đi xuống, nâng tôi dậy bảo có lẽ trúng gió. Sœur gọi hai đứa học trò lớn dìu tôi lên phòng Sœur nằm nghỉ. Sœur lên theo, lấy dầu khuynh diệp thoa khắp mình mày, dặn tôi nằm im, có nhắm mắt ngủ. Nằm trên chiếc giường lót drap trắng tinh, tôi ngoan ngoãn làm theo lời Sœur. Nhắm mắt một lúc, tôi càng thấy choáng váng hơn. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên đỉnh mùng trắng lênh đênh treo giữa căn phòng vuông vắn, tường quét vôi vàng, những cánh cửa sơn xanh khép hờ, ngăn cách khu lớp học ngoài kia. Sœur Camille trở lại lớp. Tôi nằm một mình với cái óc quay quay và cái bụng trống rỗng. Vài phút sau, lão cai trường bưng lên cho tôi ly nước trà và hai viên thuốc. Lão đợi

tôi uống thuốc xong, mới cẩn thận khép nhẹ cánh cửa đi ra. Uống thuốc vào, tôi càng khó chịu, bụng cồn cào và cái óc vẫn không chậm nhịp quay chút nào, y như có cái quạt máy trong đầu. Tôi thiếp đi trong thứ ánh sáng dịu dàng bắt từ mấy cánh cửa sơn xanh, tiếng chim líu lo đầu đó trên mái nhà. Tôi thức dậy lúc hồi kiếng bãi học vang lên phía nhà chơi. Cánh cửa phòng hé mở. Hiền nhẹ nhàng đi vào, đến đứng bên tôi, im lặng. Mồ hôi toát ra ướt đầm dán ảo sát vào da lưng. Tôi nhóm dậy ngồi tựa lên thành giường hỏi hiền:

– Bãi rồi à?

Hiền lui ra lúc thoáng nghe tiếng chân bước đầu thêm. Soeur Camille đi vào, bỏ tập sách lên chiếc tủ thấp cạnh cửa sổ, trên mặt tủ có lọ hoa cắm ba nhánh bông hồng đỏ chói. Soeur quay

sang đặt bàn tay lên cái trán rịn mồ hôi của tôi, bàn tay Soeur thật mát.

Soeur dịu dàng:

– Thấy khỏe chưa em?

Tôi nuốt nước bọt, nghe đắng khô dọc cổ họng. Không biết bởi sự dịu dàng của Soeur hay sự im lặng của Hiền xui tôi cảm thấy tủi thân.

Không dùng tôi ứa nước mắt. Cơn buồn khóc giống hệt những lúc tôi làm nũng với mẹ. Soeur ra dấu cho tôi nằm xuống đắp chăn bông lên tận ngực. Thấy Hiền còn thập thò đứng ở cửa, Soeur ngoắc Hiền vào:

– Em ở gần nhà Quảng phải không? Về nói với mẹ Quảng chiều tới đón em về, trưa nay em tạm ở lại đây đã.

Hiền cúi đầu dạ khẽ rồi thoăn thoắt nhảy xuống mấy bậc cấp.

Soeur ra khỏi phòng. Một lát trở vào mang theo ly sữa. Soeur kéo ghế đến ngồi cạnh tôi. Cử chỉ Soeur giống mẹ tôi in hệt. Tôi ngạc nhiên nhìn Soeur. Soeur không còn bịt tấm khăn đen trên đầu. Soeur mặc áo cụt trắng thay vì chiếc áo chùng đen vẫn mặc mỗi khi bước vào lớp học. Soeur trông lạ hoắc với mái tóc cắt ngắn gọn ghẽ. Soeur đang ngồi cạnh tôi đây. Đôi mắt trù mẩn và miệng nở nụ cười ngát vẻ thương yêu. Tôi ngồi dậy như không còn đau đớn gì nữa. Tôi cầm lấy ly sữa Soeur đưa, nốc gần cạn. Soeur gật đầu tỏ vẻ bằng lòng. Bờ môi chúm của Soeur khẽ thoát ra lời nói nhẹ:

– Nằm xuống và ngủ đi em.

Tôi ngoan ngoãn đắp chăn nằm xuống. Soeur đứng dậy đi ra khỏi phòng. Cánh cửa đóng lại, tôi đoán thầm có lẽ Soeur đi ăn cơm. Tôi cảm thấy dễ chịu hết sức. Tôi ngửa mặt ngắm tấm ảnh đức Mẹ Đồng trinh lồng kính treo trên đầu giường, mỉm cười nghĩ đến mái tóc của Soeur. Đây là khám phá mới lạ của tôi. Khi lành bệnh, tôi sẽ nói cho tụi cùng lớp nghe, chắc tụi nó thích thú lắm. Bởi từ lâu đứa nào cũng tưởng các Soeur đều trọc đầu như những tu sĩ nhà chùa. Tôi sẽ nói ra điều bí mật này, tụi nó phục lăn là cái chắc. Niềm vui như cơn gió mát lạ thời qua lục địa mùa nóng bức, giúp tôi tươi tỉnh hẳn.

Điều bí mật về mái tóc của Soeur Camille, người đầu tiên tôi đem ra kể là Hiền. Hiền không chịu tin. Nó nhất định cho tôi nói phịa. Tôi tức càn hông,

không thềm bàn tán với Hiền về chuyện đó nữa.

Sau ba ngày nghỉ dưỡng bệnh, tôi đến trường, và dĩ nhiên, cái điều bí mật ấy lan rộng trong lớp. Tụi chúng bàn tán xôn xao. Có đứa tin, đứa không tin. Chúng nó chia ra hai, ba phe bàn cãi. Rốt cuộc, không biết do chú ôn con dịch vật nào mách lại, Soeur Camille biết được. Buổi chiều, Soeur kêu tôi đứng dậy trong giờ toán pháp, Soeur nghiêm giọng:

– Tò mò là một tính xấu, nhất là trẻ con lại tò mò tìm hiểu chuyện người lớn. Các em trong lớp này mấy hôm nay chắc ai cũng đều biết trò Quảng đã phạm cái lỗi nặng đó, về chuyện chị có tóc hay không. Để cảnh cáo, trường quyết định đuổi trò Quảng trong một tuần lễ. Chị mong lần sau Quảng cũng như trong lớp không còn ai mắc phải tật xấu đó nữa.

Bọn học trò ngồi im thin thít. Hiền ngồi bàn đầu, ngo ngoáy cái đầu ngoái cổ nhìn tôi. Tôi cúi gằm mặt, tầm mắt thẳng góc với cái bút nịt và hai tay thừa thãi, không biết đặt đâu cho đúng chỗ.

Chiều hôm ấy, trên đường trở lại nhà, tôi đi bên Hiền thỉnh lặng. Hiền cố gợi đủ mọi thứ chuyện, tôi vẫn câm như hến. Hiền ngược nhìn bầu trời đục âm những mây, kéo tay tôi:

– Đi lên, trời sắp mưa tối nơi.

Tôi giật phắt tay lại. Hiền không hề đưa tay ra lần thứ hai, có lẽ con bé chán ngấy cái bản mặt lầm lì của tôi. Hiền chạy lúp xúp bỏ tôi một quãng xa. Tôi vẫn cố đi thật chậm, tỏ vẻ không cần đến sự có mặt của Hiền trên trái đất này nữa. Gió xô cuốn ào ạt cây lá trên đầu. Tôi vừa đi vừa nghĩ những lời nói dối để

chạy tội với mẹ tôi, vì thế nào Hiền nó cũng mách lại rằng tôi bị đuổi. Từng đợt mưa mỏng bắt đầu tạt ngang trước mặt, sau lưng, tứ phía. Bóng Hiền mất hút sau màn mưa, không còn nhìn thấy. Tôi nhét cặp vào dưới áo cắm cổ chạy. Ngang qua sân đình, tôi nghe tiếng gọi của Hiền. Con bé đứng dưới hàng hiên, hai tay ôm vòng cây cột lớn. Nó nhìn tôi ướn loi ngoi như chuột lột cười ngặt nghèo. Tức khí bốc lên thấu đầu, nhưng tôi vẫn chạy lại chỗ Hiền đứng, quay lưng lại, giả vờ rũ rũ hai vạt áo ướt. Hiền dờn cây cột, đến đứng cạnh tôi, cổ nín cười, nghiêm trang bảo:

– Quảng cởi áo ra chị vắt cho khô, bận áo ướt đau chết.

Tôi bực tức đá cục gạch vụn dưới chân xẵng giọng:

– Chết bỏ.

Hiền càng trêu già hơn.

– Chết thì chôn chơ rằng lại bỏ.

Tôi vụt chạy ra khỏi hàng hiên, làm như mưa gió chẳng hề hấn gì đến tôi hết. Hiền chạy theo chụp cổ áo tôi lôi vào. Không thể nhịn được nữa, tôi quơ tay đẩy xô Hiền túi bụi. Nhưng rốt cuộc, tôi vẫn bị con bé dón vào cây cột giữa đình. Hiền mím môi, mặt răn đánh trông thật dữ tợn. Nó còn quyết liệt và mạnh gấp mười tôi. Lưng tôi dán chặt vào cây cột cứng ngắt. Hai bàn tay Hiền lần mở cúc áo của tôi. Tôi chỉ cao ngang vai Hiền, nên lúc này bờ vai trái của nó ghìm vào cổ tôi không nhúc nhích được. Tôi vùng vẫy cố thoát một cách tuyệt vọng. Tôi la ới ới và Hiền cười như nắc nẻ.

Tôi điên tiết húc đầu vào ngực Hiền, vẫn không làm nó yếu đi chút nào. Tôi muốn ngộp thở dưới hai cánh tay ồm teo nhưng rắn chắc của nó. Túng thế, tôi đành dờ món “cẩu quyền” ra. Tôi há miệng cắn vào chỗ nhòn nhọn trên tấm ngực mỏng của Hiền, chỗ gần miệng tôi nhất. Cái “núm cau” mới nhú của con bé bị một cú đau điếng. Hiền co rúm người lại dang thẳng tay tát vào má tôi đánh “bốp”, đầu tôi dội vào cây cột thêm một tiếng “cộp” nữa. Hiền dờ khỏi tôi với chiếc cúc áo trên tay. Tôi cúi xuống nhặt lệ cái cặp sách vất lăn lóc trên nền đá chạy biến vào màn mưa trùng điệp, không ngoảnh lại. Hình như lúc đó tôi khóc thì phải. Nước mắt hòa với mưa khó phân biệt. Chỉ biết đôi mắt cay xè.

Sau cái hôm tôi dờ “cẩu quyền” ra chống đối Hiền, con bé chẳng bao giờ

sang rủ tôi đi học nữa. Mẹ tôi không hề hay biết gì về việc đó, vẫn ngỡ thường ngày hai đứa còn đi học với nhau. Tối trường, Hiền tránh mặt tôi. Nó làm ngo coi như trong lớp nó đang học không có đứa nào tên Quảng nữa. Tôi ở lại với mẹ tôi suốt mùa hè niên khóa đó. Năm sau tôi lên tỉnh học nốt lớp nhất và chương trình bậc trung học. Hiền thi xong bằng Primaire, lấy chồng, đẻ con, trở thành cô giáo trường làng, — ngôi trường tôi đã từng bấu theo gấu áo chị Nhẫn vào “trốn nắng”, hồi năm tuổi.

*

Tháng sáu, mặt trời trông đứng trên cao. Tôi trở về. Ngôi trên bậc cấp, trước thêm. Chân trần áp lên mặt đất mát lịm. Trí nhớ lao đao và mắt ráo hoảnh vẫn vơ

nhìn lên những trái bầu dài thòng. Tắm lá xanh um đong đưa rung rinh muôn ngàn cánh nắng. Tôi ngồi ở đó, nhìn mẹ tôi ngày mỗi già thêm bên lũy cây trái vườn nhà. Giữa không khí quen thân. Rộn ràng tiếng chim gù trên mái ngói. Mênh mang tiếng ve sầu dọc dài những ngọn dương cao. Tôi nhắc lại thời đầm ấm xưa. Nói về cha tôi. Nói về ngày thơ ấu của tôi, của anh chị em tôi, như trong cơn mê hoảng. Để nghe tiếng nói kể thân yêu của mẹ tôi bao giờ cũng bắt đầu bằng ba chữ: ừ, hồi đó... ừ, hồi đó không như bây giờ. Sự chia lìa là vết dao cắt, chia năm xẻ bảy, đứt đoạn, vụn rời. Có vá vúi chắp nối lại được chăng nữa cũng chỉ nhờ hoài niệm. Hồi anh Hòa, chị Nhẫn, Thành, Huy, hồi Soeur Camille, hồi Hiền thân mến! Tôi vừa trở về, lòng bình an thanh thản như mùa hè lộng gió trên cao. Hồi những bóng mát che rợp

thời niên thiếu tôi! Hồi mẹ, mẹ có còn nhớ những khúc ca đầm ấm thời mẹ về với cha, có lụa là khăn dài áo cưới. Hay bây giờ mẹ chỉ còn nhớ những khúc tình sầu?

NGUYỄN MẠNH CÔN
HY VỌNG MÀU GÌ

Hy vọng màu xám, lâu dần biến
thành đen.

Câu chuyện bắt đầu từ mười năm,
mà tôi vẫn tưởng như mới tới hôm qua.

Mười năm trước, tôi dọn nhà vào
ở trong cái ngõ hẻm đằng sau một ngôi
trường tư khá đông học sinh. Nhà tôi có
chung vách tường với một lớp học, nên

mỗi buổi ra chơi, có cả trăm em nhỏ chạy nhảy, nô đùa ngay trước cửa. Trong số học sinh rất đông đúc, ồn ào, náo động ấy, không hiểu vì sao tôi lại để ý đến một chú bé có vầng trán dô và một cái nhìn khác lạ. Chú bé ngoan, không bao giờ bẻ lá, ngắt hoa mấy cây cảnh nhà tôi trồng ngay trước cửa. Chú cũng không chửi càn, đánh lộn. Tôi thường nghĩ cha mẹ chú chắc hẳn phải thương yêu và dạy dỗ con cái một cách chu đáo. Cũng vì thế nên tôi không lấy làm lạ khi, một buổi chiều mưa, thấy một quân nhân mang lon trung sĩ cưỡi xe gắn máy đến đón chú, lúc tan học. Hai cha con gặp nhau, mừng rỡ tíu tít, có vẻ lâu ngày mới được gần gũi.

Chiếc xe nổ máy, phun một vòng khói xanh lơ vào giữa màn mưa trắng đục, rồi vọt đi. Nhà tôi, cùng ngồi bệt

trên nền gạch bông nhìn ra cửa với tôi, bỗng tự nhiên phê bình:

– Người bố trông có học, nhưng hơi yếu, phải không anh? Còn đứa nhỏ, nếu trời cho nó làm người, chắc nó khá lắm. Con mắt ấy là gan phải biết!

Câu nói thoảng qua, chẳng ngụ ý tiên tri, tiên liệu gì. Và chúng tôi cũng không để ý xem người quân nhân hôm ấy có đến tận trường học đón con lần nào nữa hay không. Một năm học thấp thoáng hết lúc nào, và năm sau bắt đầu. Một số khá đông các em nhỏ đã nô đùa trước cửa nhà tôi, năm ngoái, năm nay lại có mặt.

Cả chú bé trán dô, có cái nhìn khá lạ, cũng tiếp tục học lên lớp Nhất. Nhưng lần này chúng tôi để ý, mà không thấy

người trung sĩ đến đón con, suốt phần cuối mùa mưa.

*

Một năm nữa qua. Chúng tôi bắt đầu quên chú bé học sinh tiểu học, — chắc năm nay đã lên trung học và ra chơi chỗ khác — thì, một buổi chiều nào đó, chú xuất hiện bên cạnh ông già đưa báo tháng cho nhiều nhà trong hẻm. Nhà tôi thấy lạ, hỏi thăm.

– Thưa bà, tôi cho cháu nó đi cho biết.

Ông già chỉ trả lời nhà tôi có thể. Còn chú bé, tôi thấy chú cúi đầu nhìn xuống tay lái xe đạp cũ, xong lại ngẩng mặt lên đưa mắt bâng quơ tìm tòi trong khoảng không.

– Thưa bà, tôi nhường cho cháu nó đưa bên phía bên này. Xin ông bà vui lòng giúp cho, cháu nó ngoan, bảo đảm sẽ đưa báo đều đặn cho ông bà.

Cuộc bàn giao được thực hiện không đến một tuần lễ sau ngày giới thiệu. Nhà tôi lại tò mò:

– Cháu này là con thứ mấy của ông?

– Thưa không phải. Nó là con bà hàng xóm nhà tôi.

Chúng tôi im lặng, không hỏi tiếp. Nhưng đến lượt ông già muốn tâm sự:

– Nó là con ông thượng sĩ nhảy dù. Ông thượng sĩ tử trận ngoài Trung năm ngoái...

Nhà tôi “Ồ » một tiếng khê như lỗ cắt phải ngón tay. Ông già gật gật đầu,

trả lời một câu hỏi im lặng:

– Vâng, có thằng cháu này với con em gái nó, kém nó có một năm. Con bé năm nay cũng đậu vào trường công.

Nhà tôi quay lại hỏi chú bé:

– Mẹ cháu ở nhà làm gì?

Không có tiếng trả lời.

– Mẹ cháu có buôn bán gì không?

Không có tiếng trả lời.

– Cháu có họ hàng gì ở Sài Gòn này không?

Không có tiếng trả lời. Đứa nhỏ cúi đầu xuống, ngẩng đầu lên, im lặng. Ông già đưa báo lúng túng giải thích gì mà tôi không nghe rõ. Sau đó, hai chiếc xe xục xạch cùng đi vòng sang ngõ hẻm phía sau.

Chú bé bây giờ đã lớn, nghĩa là đã đổi màu da trắng sữa lấy màu da bò nâu xạm.

– Thưa bác, cháu tên Hùng. Em cháu tên Hường. Má cháu ra buôn bán ngoài Trung, mấy năm nay không về. Vâng, thỉnh thoảng có gọi mấy nghìn. Nhưng năm ngoái má cháu viết thư gọi em cháu ra buôn bán ở Cam Ranh, em cháu không ra, má cháu giận không gửi tiền cho nữa. Cháu bán báo, em cháu gấp khuôn và khâu sách cho mấy nhà in. Vâng, em cháu còn đi học, cháu cũng thế. Ba cháu nói luôn phải học, phải học.

Vừa đi làm vừa học, vất vả lắm, bác. Đầu óc mệt mỏi, học không vô. Em cháu

là con gái, chóng nản, muốn tập nghề đánh máy, kéo sợi, bán hàng, nhưng cháu khuyên dỗ nó cố gắng. Bây giờ mà buông xuôi bài vở, là rồi ra buông xuôi luôn.

Hùng tâm sự với tôi khá nhiều, nhiều hơn tôi chờ đợi. Vào buổi sáng chủ nhật nó đến lấy tiền báo rồi đứng tần ngần ngoài cửa. Hai bàn tay mân mê mấy tờ giấy bạc có màu da khô xám. Tôi bảo có lẽ cháu hơi yếu, cần lo giữ sức khỏe. Thế là Hùng bắt đầu nói về đời sống của anh em nó.

– Chăm chỉ, cố gắng, đều rất quý, tôi nói với Hùng. Nhưng sức khỏe cần hơn. Và sự học tập có phương pháp cũng cần hơn học thuộc lòng như loài vẹt. Cháu đưa báo nhiều, đạp xe cả buổi, nên nhớ ngồi cho ngay ngắn, duỗi hai tay cho thoải mái, cốt cho hai buồng phổi khỏi

bị ép chặt. Mỗi khi qua đường ít xe và có gió mát, cháu ngồi trên xe mà tập thở hít, hít vào thật sâu, thở ra thật chậm. Mỗi khi có hoàn cảnh, cháu đừng quên tập nhiều những bắp thịt ở lưng và bụng.

Hùng ngồi trước mặt tôi, hai mắt tròn, miệng hé mở, như muốn nuốt lấy ít lời khuyên công thức của tôi. Tội nghiệp, tôi hiểu nó thêm khát một người chú bác, anh hay chị thế nào. Những lời khuyên mà các trẻ nhỏ có gia đình vung phí như con nhà giàu vung phí tiền bạc. Tôi biết Hùng sẽ nhớ lâu nên không tiếc thì giờ chỉ bảo cho nó đôi điều.

Mãi đến lúc đồng hồ đánh chuông mười hai tiếng Hùng mới giật mình, chớp nhanh mi mắt, và đôi thể ngồi nhiều lần rồi mới ngáp ngừng hỏi tôi:

– Thưa bác, cháu nghe bạn cháu nói, trước bác có dạy học?

– Có, tôi dạy, nhưng lâu rồi.

Hùng tiếp tục lúng túng ở hai bàn tay, và đợi tôi giục mới đứng lên, khoanh hai tay kiêu trả bài của học trò ngày xưa:

– Thưa bác, xin bác dạy cho cháu phương pháp viết văn – phương pháp làm bài luận quốc văn – và học ngoại ngữ.

Hùng nói đoạn cúi nhìn xuống mấy ngón chân ngọ nguyệt trên đôi dép cao su. Thật không ngờ nó hỏi tôi những điều khó khăn như vậy. Nhưng phải nhận rằng nó hỏi đúng người: từ bao lâu nay, tôi luôn luôn nghĩ đến cách dạy hai đứa con tôi sao cho chúng khỏi tồi tệ quá về quốc ngữ, ngoại ngữ. Viết văn,

tôi thường nói với chúng, cần tự nhiên và mạch lạc. Đừng bao giờ cố tìm những ý nghĩ cầu kỳ, nếu sự mới lạ không tự nhiên mà đến với chúng ta. Điều quan trọng là nhận xét và suy luận. Như có lần một văn sĩ Pháp thách đố một người đến hỏi kinh nghiệm nghệ thuật: “Anh hãy tả ngọn lửa trong lò sưởi kia, mà tả thế nào cho khác những ngọn lửa khác »! Nhận xét được một vài điểm khác biệt, ấy là mình đã thành công một nửa. Còn một nửa là công việc của suy tư liên tục. Ngọn lửa có khói, khói bay lên trời cao, trời mầu chì, có những đám mây thấp ngang ngọn cây. Cành cây khô không còn lá, dọc ngang như nét vẽ đường giao thông trên một bản đồ địa lý... Như vậy, suy tư có nghĩa là nối tiếp ý nghĩ, bằng cách so sánh với những hình ảnh đã có sẵn trong ký ức, hay liên hệ với những chi tiết gần kề: bàn tay có móng, mỏng

vuông hay tròn, sạch hay bẩn, móng tay màu hồng là dấu hiệu của một sức khỏe tốt, người có sức khỏe tốt bao giờ cũng có những ngón tay xuôi thẳng, trong khi những ngón tay thon dài biểu lộ một tâm hồn nhạy cảm...

– Cháu đừng bao giờ vội vã, tôi nói tiếp. Ngôn từ dùng để nói lên một ý nghĩ, diễn tả một cảnh vật. Ý nghĩ nào, cảnh vật nào cũng chuyển động không ngừng, cho nên một câu nói, dù ngắn đến đâu, cũng phải có động từ. Có động từ tất nhiên phải có chủ từ, rồi đến túc từ. Đây là một định luật vô cùng giản dị, mà cháu rất hay quên trong khi học sinh ngữ. Vì thế nên lời khuyên của bác cũng vô cùng giản dị, là cháu phải ghi khắc định luật ấy vào đầu óc. Mỗi khi đọc hay viết ngoại ngữ, cháu phải để công phu xác định vị trí của chủ từ, động từ, túc

từ...

Tôi không nhớ còn nói đến những gì khác. Trong khoảng nửa tiếng đồng hồ, Hùng đứng im nghe. Tôi nói xong, nó còn đứng im một lúc khá lâu, rồi giữ yên hai bàn tay khoanh trong nách, nó cúi xuống thật thấp, nói thật khẽ:

– Cháu cảm ơn bác.

*

Đến lần sau này thì tôi nhớ cả ngày tháng. Tháng 6, ngày 18, khoảng gần tối, một thanh niên giắt xe gắn máy đến cửa hỏi tôi. Từ trong nhà nhìn ra, tôi thấy y đeo kính đen, người gầy cao nhưng có vẻ khỏe mạnh. Tôi ngần ngại định không tiếp, nhưng tiếng nói là tiếng nói quen thuộc của Hùng:

– Thưa bác cháu là Hùng.

Tôi mừng rỡ đón Hùng vào nhà. Hùng bước lên thêm, vướng mũi dép vào bậu cửa. Tôi giật mình hỏi vội:

– Cháu đau mắt sao?

Hùng đưa tay lên gỡ kính xuống, tiếng nói rạn vỡ:

– Cháu bị hỏng một mắt rồi, bác ơi!

Mắt bên kia tuôn giọt dài xuống má, mắt bên này sâu hoắm, chỉ còn là một cái lỗ tối đen.

Tôi nắm chặt cánh tay Hùng, dìu nó ngồi xuống ghế.

– Sự thể ra sao, cháu kể bác nghe.

Hùng thần thờ kể rời rạc.

– Cháu ở khu Tân Cảng. Quân bên

kia tấn công. Dân chúng rút vào một khu đất trống. Họ bao vây, gọi ra hàng. Cháu buộc áo sơ mi vào cần câu, đi trước hai cụ già. Ba ông con mới 16 người ra thì họ bắn. Đạn nổ nhỏ nhưng lóe lửa thật lớn. Cháu ngã sấp xuống bãi cỏ. Nửa tháng sau mới tỉnh trong bệnh viện. Hai cụ già chết cháy như bó đuốc. Cháu nghe nói đạn của họ có chất lân tinh. Mắt cháu hỏng hẳn một bên vì mảnh đạn nhỏ đốt cháy cả hệ thống thần kinh, một bên bị hư nhẹ, phải đeo kính cận số 8.

Cháu học khó quá bác ơi! Nhìn cái gì cũng lệch về một bên. Bốn tháng nay rồi, mà cháu đi vẫn nghiêng về tay trái.

– Tập mãi rồi cũng quen. Nhưng.. liệu cháu có còn tiếp tục...

Ý tôi muốn nói Hùng khó bằng lòng tiếp tục vừa đưa báo vừa học. Hùng hiểu

và trả lời không ngập ngừng:

– Cháu tiếp tục học. Cháu xin thì kỳ hai.

– Nhưng...

– Cháu xin làm ca đêm ngoài bến. Những đêm không tàu đổ hàng, cháu trực một mình trong phòng lạnh, học bài rất tiện. Cháu muốn xin vào ở luôn trong sở.

– À, còn...

Tôi ngưng tấp lại. Tôi muốn hỏi thăm Hường.

Nhưng loạn ly ấy, Hường có thoát được hay không. Nếu không thoát, tôi không muốn gọi thêm đau đớn cho Hường.

– Chắc bác hỏi con bé em cháu?

Trên nét mặt đầy vết tàn phá của Hùng bỗng rạng rỡ một niềm sung sướng to lớn.

– Thưa bác, nó lấy chồng năm ngoái — a, bây giờ tôi mới nhớ ra, Hùng có mời chúng tôi có đi đưa dâu — chồng nó làm sĩ quan, năm ngoái được lên thiếu úy, năm nay được lên trung úy. Thưa bác, con Hường nó sắp có hai con rồi.

Nhà tôi nghe nói, từ nhà trong chạy ra mừng cho Hường. Hùng nói:

– Thưa bác, vợ chồng thằng Tân viết thư vào, lần nào cũng gửi lời vào thăm sức khỏe hai bác. Thưa bác, đứa con đầu lòng chúng nó xin phép đặt tên bác.

Nhà tôi cảm động, đỏ hồng hai má. Và quay sang khoe với tôi:

– Cháu em đấy. Nó gọi em bằng bà ngoại.

Hùng khẽ cười trong cổ họng. Mới có mấy tháng không gặp mà nó lớn hẳn lên, chín chắn hẳn ra. Nó quyết tâm phải học, phải đậu cho kỳ được bằng tú tài. Nếu không có gì trở ngại, cháu sẽ tiếp tục học về canh nông. Cháu chỉ ở vùng quê hồi còn nhỏ, nhưng cháu không ngừng ao ước được làm việc trên cánh đồng phì nhiêu. Cháu sợ ánh sáng rực rỡ của thành thị. Má cháu...

Má của Hùng đau bệnh rồi qua đời ngoài miền Trung. Nhờ rất nhiều người giúp đỡ, anh em nó ra kịp để chôn mẹ. Người ta nói Hùng ngoan ngoãn, chịu khó nên ai cũng thương. Tôi đồng ý Hùng xứng đáng mọi cảm tình tốt đẹp nhất của những ai quen biết nó. Nhưng tôi cũng nghĩ đến một điều khác, là chung quanh

hai đứa trẻ bất hạnh ấy đã có rất nhiều người có tâm hồn từ thiện, quảng đại. Xã hội không đến nỗi tan rã như người ta thường nói. Xã hội là tôi, vợ tôi, là ông già bán báo, là bà chủ một nhà in ở đường Nguyễn An Ninh. Là nhiều người khác đã, bằng đủ mọi cách, giúp cho hai đứa trẻ bơ vơ trong cái đô thành mệnh mông này được sống và được thành người khá giả.

*

Rồi vừa hôm qua đây, Hùng đến chào vợ chồng tôi để xuất dương du học. “Con nuôi của quốc gia”, Hùng được ân hạn về tuổi, về điểm thi, về bộ môn và thời gian học tập. Một số cơ quan nhà nước giúp thêm ít nhiều phương tiện. Vợ tôi giành phần may quần áo rét cho nó. Còn tôi,

tôi cho Hùng quần bút Bíc của tôi.

– Bác không chúc cháu gặp những gian nan mà bác đã gặp, tôi nói với Hùng, nhưng bác chúc cho cháu được thoải mái như bác, trong mọi gấp khúc của cuộc đời. Bác mong cho cháu thành công, giàu có và sung sướng cả khi cháu không thành công và không giàu có.

Tôi không muốn làm cho buổi tiễn đưa trở nên một giờ giáo dục. Tôi cố nén, không nói hết những điều tôi định nói. Vì tôi chợt nghĩ ra rằng Hùng đã vượt được bao nhiêu điều đúng để có được ngày nay, thì lời khuyên nào cũng không còn cần thiết.

Hùng có lẽ cũng đoán được ý tôi. Nó đòi đổi chỗ cho Hường để đến ngồi cạnh tôi, rồi giữa lúc thằng bé trong tay em nó khóc ré lên, nó nghiêng mình nói với tôi

như nói thầm, như nói với cha:

– Con đi, con mong bác được mạnh. Con học về sẽ lấy vợ sớm cho bác có cháu bé.

Nó nói như thế mà không phải nói đùa. Tôi tự nhiên thấy mình vinh hạnh được có đứa con như nó. Tôi níu cổ nó xuống để nhìn nó một lần cho thật kỹ. Đằng sau mắt kính đen, tôi lại thấy trong mắt nó sâu thăm thẳm. Một nửa bóng đêm của cả một đời. Nhưng không tiêu tan được tâm hồn gang thép của đứa trẻ có cái nhìn kỳ lạ trước đây mười năm.

Màu của hy vọng thành ra không nhất định phải là màu xanh của lá cây, hay màu hồng của cánh đào. Hy vọng rất có thể màu đen, sau mắt kính của Hùng.

(cuối năm Kỷ Dậu)

PHAN DU

BÓNG AI TRONG BUỔI ĐẦU XUÂN

Nhà nghệ sĩ mù ấy đã già lắm, vóc người ông cụ không cao lớn, nhưng có vẻ đầy đà trong chiếc áo “cổ hò” thường là màu nâu. Tôi cũng không biết nói làm sao về diện mạo của ông cụ. Nó xấu xí quá với cái màu da ngăm đen, những nét rõ chi chít và có vẻ dữ tợn, bí hiểm với đôi mắt hơi đục, lõm sâu

vào phía dưới cặp chân mày. Đã thế cái miệng ông cụ lại rộng quá. Đôi môi thì lúc nào cũng đỏ cả cốt trầu. Nhưng cái bộ mặt xấu xí dữ tợn ấy chỉ làm cho tôi – một đứa bé trên mười tuổi – phải khiếp sợ lúc đầu thôi. Lần lần tôi lại nhận thấy ngay trong nó có một cái gì đáng mến. Tôi không thể nói là cái gì. Nhưng tôi mến. Nhất là những lúc ông cụ thối sáo, tôi lại thấy bộ mặt ấy trở nên hiền dịu quá và dễ thương lạ lùng.

Tôi chỉ biết người ông cụ, biết mặt mà không biết tên. Chưa bao giờ tôi hỏi tên hay tìm cách biết tên ông cụ. Chung quanh tôi cũng không một ai nhắc đến tên nhà nghệ sĩ mù này tuy ai cũng biết ông cụ và cái tài thối sáo của ông ta. Hay nói cho đúng hơn, chính cái tiếng sáo mê hồn đã làm cho bất cứ người nào trong cái kinh thành này, từ già đến trẻ,

cứ tối đến, đều phải lắng tai nghe ngóng và nhớ tới hai cha con ông cụ. Vì về đêm – ngay những hôm mưa gió – khi mọi nhà đã lên đèn một lúc, thì tiếng sáo, từ đâu trong các con đường khuất vắng của thành nội, đã bắt đầu tung cánh lên khơi, múa lượn trong không gian đen tối rồi len lỏi vào mọi gia đình, ngay cả trong chốn thâm khuê; cung cấm.

Tôi có thể nói là vì ông cụ mà tôi yêu tiếng trúc hơn tất cả thanh âm của các thứ nhạc khí khác. Càng lớn lên tôi càng thích hơn. Tôi yêu tiếng trúc vì cái thanh thoát lâng lâng rất thần tiên của nó, mà cũng vì chính nó thường làm sống lại trong tôi cả một mộng hồn thơ ngày.

Thật ra chưa bao giờ tôi đã được gặp lại, trong những điệu trúc tôi nghe, tiếng trúc của nhà nghệ sĩ mù xưa kia. Chưa bao giờ. Nhưng cứ mỗi lúc tiếng trúc

văng lên đầu đó, tự nhiên người tôi như chột tỉnh giữa những phiền toái rối rắm của cuộc đời. Và thoát chốc, tâm hồn tôi tách rời thực tại, lâng lâng bay theo dòng âm thanh siêu thoát của thứ nhạc khí này trở về với cảnh cũ người xưa. Tôi trở về một kinh thành xa xăm. Không phải là cái kinh thành của hai cha con nhà nghệ sĩ mù. Tôi không trở về với những thành quách, cung điện, lầu son, gác đỏ, nhưng trở về với những con đường trầm lặng, dưới những hàng cổ thụ cao, cao vút, trong cái khuất tối của kinh thành thuở ấy. Phải, chính trong cái khuất tối của kinh thành, tôi mới thường gặp hai cha con ông cụ. Họ đã sống lang thang mãi trong tối với bóng khuất tối ấy. Thật là nặng nề, cô liêu, hiu quạnh làm sao cái bóng khuất tối của một kinh thành vương giả. Lớn lên càng đi sâu vào trong bóng khuất tối của cuộc đời, tôi càng

cảm thấy rõ hơn điều này.

Nhưng tôi còn nhớ, ngay những lúc tôi tựa cửa hay nằm bên mẹ, lòng nghe tiếng sáo xa xăm, cái bóng khuất tối ấy không hề uy hiếp được tôi. Cứ mỗi lúc tiếng sáo của ông cụ từ đâu trong cõi vô thanh thoát ra, xé không khí, băng không gian mà bay đi, thì tôi lại cảm thấy chừng như cả cái kinh thành trầm lặng và những con đường khuất tối ngoài kia vụt bừng sáng, rộn rịp hẳn lên. Ngoài kia là một thế giới nào khác, một kinh thành khác. Một thế giới sáng lạn, trong bóng, thanh khiết, ảo huyền, gần gũi quá mà thật là xa xăm quá. Một cõi đời nào khác hẳn, lạ hẳn với cõi đời tôi sống hàng ngày.

Và đêm nào cũng vậy, vừa lọt qua song cửa, tiếng sáo đã xoắn xuýt lấy tôi, nỉ non kể lể, mơn trớn, vuốt ve, rồi ngay

trong một phút bất thần, nâng bổng tâm hồn tôi lên, mang đi để bay vút về cái thế giới xa lạ ấy.

Lâu dần, tiếng sáo càng trở nên quen thuộc và cần thiết đối với tôi hơn cả đồ chơi và quà bánh. Những khi tiếng sáo ở ngoài kia đã tắt, hay trong những đêm vắng nó, lòng tôi lại nao nao buồn nhớ. Trên giường ngủ, tôi trần trọc hình dung hai cha con ông cụ dắt nhau đi lang thang trong bóng khuất tối. Hồn tôi lèo đèo theo họ mãi, theo mãi cho đến khi lạc vào cõi mộng...

Thế rồi chẳng bao lâu, tôi, một đứa bé độc nhất trong đám trẻ thơ của kinh thành, đã trở nên quen thân với hai cha con ông cụ. Mỗi thân tình ấy bắt đầu vào một đêm trăng, bên gốc một cây bàng lớn.

Không biết bao nhiêu lần rồi, mỗi khi ông cụ đi ngang trước cửa nhà, tôi đã năn nỉ mẹ tôi gọi ông cụ vào thổi sáo cho tôi nghe. Đây là một chuyện rất thường. Nhiều nhà trong kinh thành này vẫn hay gọi vào như thế để thưởng thức tài nghệ của ông cụ hàng giờ mà chỉ phải trả có bốn năm xu là cùng. Nhưng cứ mỗi lần tôi đòi hỏi như thế, mẹ tôi lại mỉm cười và lắc đầu. Nụ cười thật là hiền dịu, nhưng lòng mẹ tôi thì lại cương quyết làm sao. Tôi biết không phải vì tiếc tiền mà mẹ tôi từ chối, số tiền cần bỏ ra để mua tiếng sáo thật là vô nghĩa nếu đem so sánh với những khoản chi tiêu về quà bánh và đồ chơi hàng ngày của tôi. Cũng không phải mẹ tôi không thích tiếng đàn, tiếng sáo. Tuy vậy, mẹ tôi vẫn từ chối. Thật là khó hiểu.

Nhưng tôi không băn khoăn về cái

thái độ khó hiểu của mẹ tôi bằng ước mơ được nghe tiếng sáo của ông cụ. Những điệu sáo thổi rao ngoài kia không đủ cho tôi thỏa thích. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Tôi không phải lo về nổi tiền nong. Năm xu hay một hào là một món tiền tôi có thể có sẵn trong lưng nếu tôi chỉ nhìn quà bánh một vài hôm. Nhưng làm thế nào mà mua? Tiếng sáo đâu có phải là một thứ dễ mua như quà bánh. Tôi nghĩ nó là của người lớn và chỉ có người lớn mới có quyền mua hay có thể mua. Tôi thì còn bé quá. Tuy vậy, tôi không tuyệt vọng và tôi vẫn cứ để dành tiền. Tôi chọn năm đồng xu thật mới, gói vào giấy, bỏ vào trong một cái vỏ hộp kẹo “ma le” nhét kỹ trong túi áo. Tôi sẽ làm thế nào để mua tiếng sáo? Tôi không hề nghĩ đến chuyện ấy. Nhưng cứ mỗi lúc lóng nghe tiếng sáo thổi rao, tôi lại cho tay vào túi áo, vỗ về hộp kẹo đựng tiền

với một hy vọng mong manh là cũng có ngày tôi mua được nó.

Tôi không ngờ cái ước vọng xa vời ấy lại hóa thành sự thực.

Là vì ông cụ đã đến với tôi, ông cụ với tiếng sáo. Ông cụ đã đến với tôi trong một đêm trăng. Đêm ấy, trăng sáng quá. Trăng sáng cả kinh thành.

Cung điện, dinh thự, thành quách, những hàng cổ thụ sum suê cao vút như cùng say sưa đến ngất lịm đi và lặng trải những bóng đen trầm tư, tịch mịch trên nền đất trắng ánh trăng xanh.

Cơm tối xong, tôi ra trước ngõ, nhập bọn với đám chúng bạn cùng trang lứa trong xóm. Giữa lúc đang đùa nghịch, bỗng có tiếng kêu lớn:

– Chết bây ơi, ông cụ thổi sáo đấy!

Cả bọn trẻ nghỉ chơi, nín lặng nhìn về phía đầu đường. Nhưng rồi một vài đứa anh hùng nhất trong bọn lại lên tiếng:

– Hừ, ông cụ thối sáo chứ có phải là lính tuần sát đầu. Cứ chơi đi.

Cuộc đùa nghịch lại tiếp tục như cũ. Riêng tôi, tôi nghỉ hẳn. Ông cụ thối sáo đã hiện ra ở đầu đường và đang dò dẫm rảo bước theo sau người con gái. Cả hai cha con tiến lại phía trụ điện gần cây bàng lớn, cách chỗ chúng tôi đang chơi không xa. Tôi nghe tiếng người con gái:

– Bọ lại ngồi nghỉ, thối rao cũng được. Tối nay đi mỏi cả chân mà chưa nhà nào gọi cả.

Ông cụ đáp lại bằng cái giọng khàn khàn:

– Còn sớm mà.

Người con gái dắt cha lại gốc bàng, đỡ ông cụ ngồi xuống. Ông cụ tựa lưng vào thân cây, nghỉ một lát rồi đưa ống sáo lên miệng thổi. Tôi chạy vội lại.

Trong lúc tôi đứng lặng người nhìn ông cụ và say sưa lắng nghe tiếng sáo, tôi không biết là có một cặp mắt đang nhìn tôi. Tôi chỉ để ý khi tiếng sáo vừa tắt. Một cặp mắt đen nhánh nổi bật trên khuôn mặt trái xoan hơi dài. Cặp mắt ấy nhìn tôi chăm chú. Nhìn không chớp. Nó nhìn tôi với cái vẻ ngạc nhiên và dò la. Nhưng cái lối nhìn chăm chăm ấy không làm tôi khó chịu. Vì cặp mắt đẹp, dịu hiền và vui vẻ làm sao! Cặp mắt ấy không phải chỉ nhìn tôi. Nó còn cười với tôi nữa. Nó cười. Và khi nghe tôi buông ra một tiếng thở dài vì tiếc rẻ tiếng sáo, cặp mắt ấy lại nở rộng thêm ra, lóng lánh hẳn lên. Một

giọng ngọt ngào nhẹ rót vào tai tôi:

– Em thích nghe thôi sáo lắm sao?

Rồi một nụ cười nở ra trước mắt tôi. Câu hỏi làm cho tôi sực tỉnh. Người nói chính là cô con gái của ông cụ. Tôi đáp lại bằng cái gật đầu nũng nịu. Cũng không hiểu tại sao, trước cái nhìn và nụ cười ấy tôi cảm thấy đã quen thân với người con gái ngồi trước mặt tôi lâu ngày lắm rồi, và tôi có quyền nũng nịu như tôi thường hay nũng nịu với mẹ tôi hay các chị tôi ở nhà? Tôi lại hỏi:

– Sao không thổi nữa, hay quá?

Ông cụ hướng nhìn về phía con gái:

– Gì thế hở Dung?

Chị Dung cười khúc khích rồi lại nhìn tôi đầy vẻ cảm động:

– Rao thì có thổi làm gì cho nhiều. Nhà em ở gần đây không? Em mấy tuổi?

Tôi vừa đáp lại, vừa ngắm kỹ chị Dung. Hơn tôi giỏi lắm là ba bốn tuổi, tóc mới chấm ngang vai, nhưng chị Dung trông có vẻ nghiêm chỉnh đáng hoàng trong chiếc áo dài màu nâu non và chiếc quần vải đen. Tôi thấy chị Dung không đẹp, không thanh lịch như các chị tôi. Người chị hơi gầy. Lại vì cái nước da bánh mật nên gương mặt không được sáng sủa lắm. Nhưng cứ nhìn cặp mắt to và đen nhánh, sâu thẳm, mơ màng, đôi môi mỏng thắm tươi với hai khoé miệng xếch lên một cách kiêu hãnh mỗi lúc mím chặt vào nhau, tôi không thể nói chị là xấu. Hơn nữa tuy phục sức tầm thường chị Dung vẫn không kém vẻ yếu điệu, duyên dáng. Có một điểm làm cho tôi chú ý hơn, là chị Dung rất vui tính, hay

cười, – chị thường cười không những bằng miệng mà bằng cả cặp mắt, nhưng gương mặt chị thì lúc nào cũng đượm vẻ buồn. Cái vẻ buồn ấy lại thường hiện ra rõ hơn ở đuôi mắt, khoé miệng, vào những lúc chị cười. Mỗi khi chị Dung cười, tôi thấy chị càng đáng yêu hơn nhưng tôi cứ ngỡ ngỡ như là chị khóc vậy. Nụ cười của chị làm cho lòng tôi vừa vui vừa nao nao xao xuyến làm sao ấy,

Ông cụ vừa hút xong điếu thuốc, hưởng nhìn về phía con gái:

– Đứa nào thế con?

Chị Dung lại nhìn tôi:

– Một em bé ngộ quá, bọ ơi! Nó thích nghe sáo. Nó nghe bọ thổi nãy giờ đến sững sờ và còn đòi nghe nữa đấy.

Ông cụ cố nhường cặp mắt đục lên để nhìn tôi. Chao ôi, có bao giờ tôi quên được cái nhường mắt bất lực đến thảm thương ấy. Tôi biết với cặp mắt đục kia, ông cụ không bao giờ có thể thấy tôi. Nhưng cũng chính vì thế mà về sau này tôi mới phải kinh ngạc trước cái năng lực mầu nhiệm của tình thương yêu. Ông cụ đã tỏ ra cho tôi thấy là một buồng tim rào rạt tình yêu vẫn có thể thay thế cho một cặp mắt đã tắt ngấm cả ánh sáng. Chị Dung ngồi lại gần tôi thân mật:

– Sao em không xin cha mẹ em gọi họ chị vào nhà. Vì vào nhà thì tha hồ... muốn nghe mấy cũng được cả.

Tôi lắc đầu. Rồi với cái chân thực của tuổi thơ, tôi thỏ thẻ mách cho chị Dung biết là tôi thích tiếng sáo như thế nào, tôi đã năn nỉ mẹ tôi bao nhiêu lần rồi, mẹ tôi đã từ chối như thế nào. Chị Dung

chăm chỉ lắng nghe rồi chị nhíu mày, tỏ vẻ thương hại:

– Không cho?

– Vâng. Không cho. Mẹ em nhất định không cho. Em đành chịu vậy, tuy em cũng có tiền.

Tôi ngồi sát lại bên chị Dung, sè sè móc hộp kẹo trong túi áo ra, đặt vào tay chị:

– Tiền đây.

Chị Dung ngạc nhiên, cầm lấy hộp kẹo “ma le” ngắm nghía:

– Tiền trong này à? Nhưng em đưa chị làm gì?

Vừa nói chị vừa mở nắp hộp và khẽ kêu lên khi chị đổ ra trong lòng bàn tay năm đồng xu đồng đỏ mới tinh, rừng

rừng sáng dưới ánh điện pha lẫn ánh trăng.

– Trời ơi. Em làm gì có lắm bạc thế này. Những năm xu? Lại mới tinh.

– Em nhịn quà, để dành đấy. Chị cất đi. Em mua tiếng sáo đấy.

Chị Dung bật cười nhìn sững tôi. Chị nhìn tôi chăm chú với cặp mắt đầy vẻ nghĩ ngợi:

– Em nhịn quà

Tôi lại gật đầu. Ngay lúc ấy, tôi thấy ông cụ cũng ngàng mặt lên cười rồi hỏi bằng cái giọng khàn khàn:

– Mua tiếng sáo à? Thằng bé ngộ thật.

Nhưng ông cụ bỗng lại đổi giọng, bảo con gái:

– Gói kỹ lại. Bỏ cẩn thận vào túi áo nó.

Chị Dung làm y theo lời cha. Trong lúc tôi đang ngỡ ngác thì ông cụ đã đưa ống sáo lên miệng. Nhưng lần này không phải ông cụ thổi rao mà thổi thật sự. Vì tôi nghe ông thổi rất lâu. Tôi không biết là ông cụ đã thổi cho tôi nghe những điệu nào. Tôi chỉ nhớ tiếng sáo đêm hôm ấy đã làm cho tôi say sưa ngay từ phút đầu tiên. Từ ống sáo của ông cụ chừng như có những luồng sóng điện thoát ra, xuyên qua người tôi gây thành những rung chuyển êm ái lạ thường. Và cả cái dòng thanh âm nịu nịu vươn dài ra như bất tuyệt ấy nâng bổng hồn tôi lên nhẹ từng như một chiếc lá, hết lòng lội vào cái cao xa vời vợi lại lôi cuốn xuống tận vực sâu thẳm vô cùng của không gian. Những gì chung quanh tôi cứ lùi xa dần,

xa mãi ra ngoài tầm mắt. Tuy tôi vẫn nhìn ông cụ không chớp, nhưng rồi vầng trăng trên trời, nhà cửa, con đường trầm lặng, những hàng cổ thụ cao vút, đám trẻ đùa nghịch, trụ điện và cả chị Dung, cả ông cụ dường như cũng không còn đâu nữa.

Qua cặp mắt lim dim, tôi tưởng chừng chung quanh tôi là một cảnh giới nào khác hẳn. Như thế không biết là bao lâu, bỗng tôi choàng tỉnh. Có tiếng chị Dung hỏi tôi:

– Em ngủ à?

Tôi giật mình. Tiếng sáo đã tắt. Tỉnh ra tôi mới biết là trong lúc mãi nghe tôi đã gục đầu vào vai chị Dung lúc nào không hay. Tôi vội ngồi ngay người lại và đáp:

– Không, em ngủ đâu. Em nghe đấy.

– Đã thích tai chưa nào?

Tôi mỉm cười gật đầu. Chị Dung ngồi yên một lát lặng nhìn tôi rồi vỗ nhẹ vào vai:

– Thôi nhé. Bây giờ em về đi. Chị và cha chị còn phải đi nơi khác. Từ tối đến giờ chưa thấy ai gọi cả.

Câu nói sau cùng làm cho tôi cảm động. Tôi không biết phải nói như thế nào, làm thế nào để tỏ cho hết cảm tình của tôi đối với ông cụ và chị Dung. Bỗng tôi vụt nảy ra một ý định. Thừa một lúc chị Dung nhìn qua phía ông cụ, tôi đặt ngay hộp kẹo vào tay chị rồi cầm đầu, cầm cổ chạy đi. Tôi cố chạy thật nhanh để chị Dung không kịp gọi lại. Nhưng những tiếng kêu đã đuổi theo tôi ngay lúc ấy:

– Em, em nhỏ, đứng lại chị bảo này. Đứng lại.

Tôi càng chạy, những tiếng gọi càng trở nên gấp rút, thiết tha. Đồng thời nghe tiếng chân đuổi theo tôi mỗi lúc mỗi gần. Rồi gần quá. Tiếng gọi càng rõ hơn qua những hơi thở hỗn hển nhọc nhằn

– Em, em, đứng lại.

Tôi đâm ra hoảng sợ như khi chơi u mọt mà sắp bị bên địch bắt được vậy. Để trốn thoát, tôi cố vận dụng tất cả sức lực của hai chân để chạy nhanh hơn. Nhưng nhìn thấy cửa ngõ nhà tôi còn xa quá, tôi biết là khó thoát được nên lại càng luống cuống. Hai chân tôi trở nên yếu ớt đến không còn đủ sức để cử động nữa. Tôi ngã xuống bờ cỏ bên đàng. Ngay lúc ấy, tôi đã nghe tiếng chị Dung hốt hoảng kêu lên:

– Trời ơi, khổ quá. Em chạy làm gì cho phải bổ. Có làm sao không nào?

Chị quỳ xuống đỡ tôi ngồi lên, vừa phủi áo quần, vừa hỏi rồi rít:

– Có làm sao không? Em có đau chỗ nào không?

Tôi lắc đầu. Chị nhìn tôi như chưa tin:

– Có thật không? Nói cho thật nào! Bổ thế mà không đau sao được.

Tôi vừa xoa gối vừa đáp:

– Chỉ đau chỗ này thôi. Chị làm em sợ hết hồn đi.

Chị Dung mỉm cười thương hại:

– Thật à. Em có giận chị không? Tại em chứ có phải tại chị đâu.

Ngồi xuống bên tôi, chị thân mật nói tiếp:

– Tại em, nghe chưa? Tại vì em để hộp này lại nên chị phải đuổi theo. Này, em giữ lấy. Năm trự xu còn y trong ấy, giữ khéo kẻo mất nhé. Em cất đi mà ăn quà. Chị không lấy đâu. Cha chị không lấy đâu.

Chị Dung cười khẽ rồi lấy tay vuốt nhẹ mái tóc tôi, âu yếm:

– Ai nữ lấy tiền của em. Bọ chị vì thương em, thôi sáo cho em nghe đấy thôi, biết không?

Tôi ngạc nhiên nhìn chị, lòng bùi ngùi cảm động. Nhưng tôi không chịu cầm lấy hộp kẹo đựng tiền. Chị Dung ấn nó vào tay tôi rồi đành:

– Em cầm đi. Em ngoan lắm, chị biết mà. Nhưng em đừng làm thế chị giận. Em bỏ vào túi cẩn thận đi rồi về mà ngủ. Chị phải đi đây...

Tôi thả vội hộp kẹo xuống, nắm chặt lấy cánh tay chị Dung:

– Chị đi...

Rồi tôi nghẹn ngào không nói được nữa. Tôi chỉ nhìn chị, nhìn sững sốt với cặp mắt mỗi lúc mỗi rướm ướt thêm vì lệ. Mấy tiếng “chị đi đây” mà chị Dung vừa thốt ra với cái giọng rầu rầu gieo vào lòng tôi một mối xúc động sâu sắc quá chừng. Tôi cảm thấy luyến tiếc buồn khổ như phải lìa bỏ một người thân yêu trong gia đình mà tôi chưa hề phải xa rời bao giờ.

Vừa sắp đứng lên, chị Dung đã ngồi trở xuống ôm tôi:

– Em làm sao thế? Tại sao em khóc?

Tôi không đáp. Nhưng bàn tay tôi siết chặt cánh tay chị Dung hơn trước, mắt tôi thì vẫn cứ ngược nhìn đăm đăm vào cặp mắt chị. Chính bàn tay và cặp mắt của tôi lúc này đã nói hết với chị Dung những gì mà môi tôi không thể thốt được nên lời. Chị Dung cầm lấy tay tôi, bóp nhẹ:

– Em khóc vì chị đi có phải không?

Tôi gật đầu. Một nụ cười hé nở trên đôi môi mỏng của chị. Nhưng chỉ một thoáng qua, nụ cười ấy đã biến hẳn vào cái vẻ nhàu úa của gương mặt mỗi lúc như mỗi tái nhợt thêm dưới bóng trăng mát lạnh. Tôi nghe chị Dung nói khẽ:

– Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Chị phải đi.

Ngay lúc ấy, từ đằng xa, có tiếng ông cụ gọi con:

– Dung ơi! Con ở đâu rồi! Dung ơi!

Chị Dung nhìn tôi thở dài, chớp mắt như muốn khóc. Rồi bỗng như cái máy, chị vội đứng lên đỡ tôi. dậy, nhặt hộp kẹo đựng tiền bỏ vào túi tôi.

– Bọ chị gọi đấy, em có nghe không? Em cho chị đi. Tối mai... chị sẽ trở lại với em nhé.

Lời hứa hẹn làm cho tôi mừng lắm tuy tôi vẫn thấy nghi ngại chưa tin. Năm chặt cánh tay chị, tôi hỏi:

– Có thật không? Hay chị phỉnh em.

– Trời ơi. Chị nữ nào nói dối với em? Tối mai cũng độ chừng này, bọ chị với chị lại đến chờ em ở gốc cây bàng đằng

kia, biết chưa? Em lại sẽ được nghe thối sáo. Thôi, em buông tay chị ra cho chị đi kéo bọ chị chờ. Đừng buồn nữa nghe không? Em cười đi... Cười đi...

Tôi gượng cười. Mà chừng như chị Dung cũng gượng cười. Chúng tôi nhìn nhau một lần cuối cùng rồi chị Dung chạy vội về phía ông cụ. Tôi đứng lặng người trên bờ cỏ nhìn theo.

✱

Trên trời cao, một vầng trăng sáng.

Đúng y như lời hứa, tối hôm sau, hai cha con chị Dung lại đến tìm tôi ở chỗ cũ

Nhưng không phải chỉ một lần ấy mà thôi. Từ tối hôm ấy trở đi, chừng như đêm nào hai cha con ông cụ cũng tới nơi

hẹn trước rồi mới chịu đi nơi khác. Mỗi thân tình giữa tôi và họ đã được nhen nhúm ngay ở gốc cây bàng mỗi ngày mỗi nồng đậm thêm. Những cuộc gặp gỡ này đã trở thành một cái lệ quen thuộc trong nếp sống hằng ngày của chúng tôi. Đêm đêm, cơm tối xong, tôi lại chạy ra gốc bàng. Tôi ít phải mất công chờ đợi. Chính hai cha con ông cụ thường đến trước để chờ tối. Có lắm đêm tiếng sáo lọt qua song cửa, quẩn quít lấy tôi trong bữa ăn. Và khi gặp nhau là cả một cảnh đoàn tụ vui vẻ làm sao. Vừa thấy tôi chạy đến, chị Dung đã lộ vẻ vui mừng, bảo ông cụ:

– Linh đã ra đấy.

Ông cụ lại nhướng cặp mắt đục lên, đưa thẳng hai cánh tay ra phía trước, sờ soạng:

– Đâu, đâu? Nó ở đâu nào?

Chị Dung hất mặt ra hiệu cho tôi tiến gần ông cụ.

Khi đã vớ được tôi, ông cụ ôm chặt, kéo tôi vào trong lòng, ngẩng mặt lên cười với đôi môi đỏ chót cả cốt trầu và hai con mắt đục:

– Ngồi xuống đây. Đêm nay nhỏ thích nghe điệu gì nào? Kim tiền hay Lưu thủy, Nam bằng hay Nam ai?

Nhưng lần nào cũng vậy, trước khi thối sáo, và trong lúc lắng nghe tôi trò chuyện với chị Dung, ông cụ lấy tay sờ khắp người tôi. Hết vuốt mái tóc, ông lại sờ rầm vào trán, vào mũi, vào má, vào cằm, nắn bóp từng vành tai, gò má, từng bàn tay, bàn chân của tôi. Ông cụ sờ rất kỹ, như cố ghi nhận bằng xúc giác những

gì mắt mình không còn thấy được nữa. Một sự lạ là sau một thời gian ngắn, tôi tưởng như ông cụ đã thấy rõ tôi qua bàn tay sần sùi, nhăn nheo ấy. Ông cụ còn chú ý đến cả những sự thay đổi rất nhỏ nhặt trên tấm hình hài bé bỏng của tôi. Tóc tôi dài chưa kịp hót, móng tay không cắt, hai má tôi bị xước ở đâu, chân tay mình mẩy tôi bị trầy chợt chỗ nào, áo tôi không có mấy hạt nút bị đứt, ông cụ đều biết cả. Với sự rờ rẫm mặt mày, ông cụ còn đoán biết cả tâm trạng của tôi. Một hôm, sau khi rờ rẫm như vậy, ông cụ tát nhẹ vào má tôi:

– Hừ, làm sao hôm nay nhỏ lại buồn thế? Có việc gì mà mặt mày phụng phịu cả lên như thế này?

Tôi giật mình. Quả thật tôi đang bực tức vì tôi đã làm sút mất cái đầu con búp bê mới mua. Và thường thường,

những khi tôi có chuyện buồn là ông cụ biết ngay, tra gạn cho kỳ được. Tôi cũng thỏ thẻ kể hết, ông cụ lại an ủi vỗ về tôi rồi tìm cách chọc cho tôi phải bật cười. Chị Dung cũng thế. Càng ngày tôi càng trù mến hai cha con ông cụ. Nhất là chị Dung. Thật tôi không thể còn tìm được ở một người thứ hai trên đời, cái hiền dịu của người con gái thủy mị đêm đêm thường đến với tôi bên gốc cây bàng thuở nào. Sống trong nguồn tình cảm rạt rào của chị Dung, tâm hồn tôi nghe như được bọc bằng nhung lụa. Tôi biết ông cụ yêu tôi, đêm nào cũng đến ngồi nơi gốc bàng để ôm ấp tôi và thổi sáo cho tôi nghe là chỉ vì chị Dung. Quen thân lâu ngày tôi mới biết ông cụ rất quý con gái. Không phải vì mù loà, cần nhờ con dắt dẫn, nhưng vì ông cụ chỉ có mình chị Dung là con. Chị Dung lại mất mẹ từ thuở lên năm. Thuở ấy ông cụ chưa mù

hắn. Với cái tài thổi sáo hiếm có ông cụ đã dùng thứ nhạc khí này làm phương tiện sinh nhai. Trước kia ông cụ chỉ nhận giúp vui trong những đám đình, yến tiệc lớn mà thôi. Nhưng về sau này, gia cảnh càng ngày càng sa sút, ông cụ lại phải cất công đi bán tiếng sáo khắp nơi trong kinh thành.

Tôi chỉ biết có thế thôi. Còn nhỏ quá, tôi không hề nghĩ đến việc đi sâu vào cuộc đời và con người của ông cụ. Cả đến nhà cửa của ông cụ, tôi cũng không được rõ. Đã nhiều lần tôi gạn hỏi, nhưng chị Dung cũng như ông cụ, chỉ mỉm cười mà không đáp. Cùng lắm, chị Dung mới trả lời:

– Em hỏi làm gì? Nhà chị phải không? Nhà chị xa lắm.

– Xa lắm là ở đâu? Em muốn biết.

Em muốn đến chơi với chị.

– Chị em mình gặp nhau ở đây không đủ hay sao. Đêm nào chị lại chẳng đến với em.

Rồi nhìn chăm chăm vào tôi, chị nói tiếp:

– Chị phải đến.

Tôi nhìn lại chị với cặp mắt chan chứa cảm tình:

– Tại sao chị phải đến?

Tát nhẹ vào má tôi, chị đáp:

– Cái gì cũng hỏi cặn kẽ lắm. Tại vì... đêm nào không gặp em thì chị nhớ, biết không?

Tôi ngả đầu vào vai chị, vừa lắc nhẹ, vừa nói:

– Em cũng thế chị ơi.

Và tôi thấy chỉ gặp nhau ở gốc bàng cũng đủ rồi thật. Lâu dần tôi không còn quan tâm về chuyện họ ở đâu đến và đi về đâu nữa. Đêm đêm, hai cha con ông cụ lại hiện ra với tôi rồi lại biến đi như những nhân vật thần tiên trong truyện cổ tích. Đêm đêm, được ngồi bên cạnh chị Dung để trò chuyện hay nghe thối sáo, tôi thấy không còn gì thích hơn. Và chị Dung thật không nói ngoa chút nào. Vì chẳng có đêm nào mà hai cha con ông cụ không đến tìm tôi. Ngay cả những đêm không ra được, tôi vẫn nghe có tiếng sáo từ phía cây bàng vọng vào rất lâu như nhắc nhở, thúc giục tôi. Những lúc ấy, tiếng sáo đối với tôi không còn là âm thanh của một thứ nhạc khí nữa nhưng là những lời nhắn nhe của hai cha con ông cụ.

Mãi như thế được bảy tháng trời.

Mùa đông năm ấy vừa tàn. Cả kinh thành rộn rịp hẳn lên trong cảnh mừng xuân. Tết đã về với tôi, chung quanh tôi, trong tiếng gà oác, tiếng lung tung và tiếng pháo, trong những cành mai đơm hoa vàng rực.

Nhưng khác hẳn mọi năm, cái phong vị của Tết năm ấy không làm cho tôi say sưa vui thích như thường lệ,

Với lòng khát vọng ngày Tết của tuổi thơ, một năm qua đối với tôi dài hơn vạn kỷ. Nhưng lần này, Tết vừa về tôi lại trông cho Tết chóng qua. Vì một năm trời dằng dặc ấy đối với tôi không lâu bằng khoảng thời gian mười mấy ngày trời phải cách biệt hai cha con ông cụ.

Ngay từ tối hăm lăm Tết, một nỗi buồn nhớ đã chiếm cả lòng tôi,

Tối hôm ấy, sau khi đã thổi sáo cho tôi nghe, ông cụ vò đầu tôi, âu yếm:

– Tối mai nhỏ đừng ra đây nữa.

Tôi giật mình, kinh ngạc nhìn ông cụ rồi xây nhìn chị Dung:

– Tại sao vậy?

Chị Dung mỉm cười:

– Có sao đâu, Tết sắp đến, bộ chị và chị phải về làng.

– Thế chừng nào em được gặp lại?

– Tối mong tám em ra đây... Tối mong tám nhớ chưa?

– Có thật không?

Chị Dung lườm yêu tôi:

– Có bao giờ chị nói dối. Tối mong tám nhất định.

Rồi chị Dung đặt vào tay tôi một gói bánh. Tôi vội gạt ra:

– Để chị ăn. Em có nhiều rồi. Ngày nào em lại không có bánh.

Chị Dung lắc đầu nói giọng khẩn khoản:

– Chị biết rồi. Nhưng là món quà riêng của chị.

– Hay em khinh chị nghèo.

Tôi cảm động đến muốn khóc, cầm lấy gói bánh và lặng người đi. Ông cụ lại vò đầu tôi. Chị Dung hôn vào trán tôi rồi hai cha con dắt nhau biến lẫn vào bóng tối của kinh thành. Tuy biết đây chỉ là

một cuộc tạm biệt, nhưng tôi vẫn nghe tê tái cả người và khổ sở như không còn bao giờ được tái ngộ nữa.

Thế rồi một ngày qua, đối với tôi không phải là ba mùa thu dằng dặc nhưng là ba thế kỷ vô tận. Đồ chơi, bánh trái, áo quần mới, xu hào đầy túi đều trở nên vô nghĩa. Tiếng pháo mừng xuân rộn rã khắp kinh thành càng làm cho lòng tôi thêm hồi hộp, bồn chồn, nao núng! Tôi cứ nghe phập phồng hồi hộp đêm ngày.

Tôi những lo sợ không còn bao giờ được trông thấy lại ông cụ, được nghe lại tiếng sáo. Và chị Dung nữa.

Chao ôi, chị Dung hiền dịu của tôi.

Mãi như thế cho đến ngày mồng tám Tết. Ngày cuối cùng càng dài dặc làm sao. Buổi sớm, khi vừa tỉnh giấc, nhìn ra bên

ngoài, tôi càng đâm lo. Từ dạo Tết ra đến nay, hôm nào trời cũng tạnh ráo. Hôm nay trời lại ử mưa. Nhìn những áng mây đen sẫm, tôi những hồi hộp, Tôi nghĩ chừng như có một sự sắp đặt của thiên nhiên để phá đám cuộc tái ngộ của tôi với hai cha con nhà nghệ sĩ mù.

Nhưng rồi trời không mưa to. Sau bữa cơm tối tôi lướt đám bụi mưa mà đi. Tôi nôn vội đến quên cả gói bánh mà tôi để dành cho chị Dung. Tôi đã chọn lựa những thứ ngon nhất, những chiếc bánh tôi tin rằng chị Dung chưa bao giờ được cầm tới chứ đừng nói là ăn. Tôi những muốn lộn lui, nhưng vì nôn nóng gấp mặt, tôi lại không có can đảm quay lại. Đêm ấy đường vắng mà lại tối nữa. Ngọn đèn ngay bên cây bàng bị tắt. Từ đằng xa một ngọn điện đường khác dội lại một thứ ánh sáng lu mờ. Tuy còn nhỏ, nhưng

tôi không nhát gan lắm. Lại nghĩ đến cái vui được gặp mặt ông cụ và chị Dung, tôi càng dăm dạn hơn. Tôi vừa đi vừa phấp phồng lo ngại trong lòng. Ông cụ và chị Dung có đến không? Có gặp gì trở ngại không? Tôi cố tưởng tượng trước cuộc đoàn tụ đêm nay nhưng rồi tôi lại cố xua đuổi những gì tôi hình dung trong óc về cái vui của cuộc đoàn tụ. Lúc nhỏ, tôi có một sự tin tưởng ngộ nghĩnh là sự việc ở đời thường xảy ra khác hẳn với ý định của mình. Cái mình tin là vững chắc thì lại không bao giờ có thật. Tôi cố nuôi dưỡng mối lo ngại trong lòng để cho sự thật sẽ xảy ra một cách may mắn hơn.

Vừa đi, tôi vừa nhìn về phía trước.

Bỗng tôi giật mình, dừng lại, trưng mắt cố nhìn. Có bóng ai ngồi dưới gốc cây bàng. Nhưng không phải chị Dung và ông cụ. Một người nào lạ, ăn mặc

toàn đồ trắng, ngồi co chân và gục đầu úp mặt trong lòng hai bàn tay đặt trên đầu gối. Không, không phải chị Dung. Một người nào lạ. Cái vẻ im lìm như pho tượng và cái màu trắng toát của quần áo chập chờn trong ánh sáng mờ mờ gieo vào người tôi cả một ớn lạnh. Tôi nghe xồn cả tóc gáy, vừa sắp rú lên. Nhưng sức nhớ đến chuyện ma hớp hồn khi nghe được tiếng người ta một sự khôn ngoan mà mẹ tôi và các chị tôi thường căn dặn kỹ – tôi cắn chặt môi dưới, nín thở, quay vội lại, dăm đầu chạy một mạch về nhà. Vừa vào đến mái hiên, tôi thét lên một tiếng, rồi ngã nhào xuống.

*

Khi tỉnh dậy, tôi thấy tôi đang nằm trên giường. Cha tôi, mẹ tôi, các chị tôi

và cả tôi tớ đều ở cả trong phòng ngủ.
Thấy tôi cựa mình, mẹ tôi đã cúi đầu gọi:

– Linh, Linh, con đã tỉnh chưa?

Tôi mở mắt nhìn mẹ tôi rồi nhìn khắp mọi người. Mẹ tôi lại hỏi;

– Linh này. Con làm sao thế. Ai đuổi theo con?

– Ai dọa con? Nói nào?

Tôi lắc đầu. Một lúc lâu tôi mới lắp bắp:

– Không ai dọa con cả. Con thấy ma.

– Ở đâu?

– Ở dưới gốc cây bàng đầu đường ấy.

Bỗng tôi nghe anh Bảy, người ở, cười lên rồi bảo mẹ tôi:

– Đấy thừa bà, con nói có đúng không? Ma cỏ đâu có. Lúc chạy ra mua thuốc, con thấy nó ngồi đấy. Thoạt tiên con cũng ngỡ nó là ma, nhưng đánh bạo quẹt diêm lên mới trông rõ mặt nó.

Mẹ tôi vội hỏi:

– Nhưng nó ngồi đấy làm gì?

Anh Bảy lắc đầu:

– Thừa con có biết đâu. Có lẽ nó nhớ ông cụ, vì trước kia ông cụ cũng thường hay ngồi đấy, thường hay thối sáo ở đấy. Ông cụ bị ô tô cán chết tại đầu cầu Bạch hổ cách đây có trên mười hôm.

Tôi thét lên một tiếng rồi chồm vội dậy. Tôi muốn chạy ngay ra gốc cây bàng vì tôi đã hiểu hết. Nhưng người nhà tưởng tôi lên cơn mê sảng, vội xúm ôm lấy tôi, chặn lại mặc tôi lăn lộn, vùng vẫy,

khóc lóc. Mẹ tôi kêu lên với tất cả sự lo ngại:

– Linh nó sợ nhập tâm rồi. Đừng đưa nào nhắc đến chuyện này nữa. Đi mời thầy lang mau lên.

Tôi lại cố thu hết sức lực, chồm lên, găm thét:

– Đừng mời thầy lang. Thả con ra. Thả con mà, khổ lắm mà. Chị Dung ơi, chị Dung...

Các chị tôi ngơ ngác hỏi nhau:

– Chị Dung nào vậy?

Cha tôi tiến lại bên giường nói nhỏ:

– Nó nói mê đấy.

Rồi cha tôi nạt lớn:

– Có im không? Bảo im!

Trước cái oai của cha tôi, tôi đành phải nằm yên không dám vùng vẫy nữa. Nhưng càng nghĩ đến chị Dung tôi càng đau khổ. Úp mặt vào gối, tôi thôn thức mãi rồi tôi mê đi lúc nào không hay.

Trong cơn mê, tôi lại thấy tôi chạy ra gốc bàng. Chị Dung vẫn còn ngồi ở đấy. Vừa nghe tôi gọi, chị ngẩng lên nhìn tôi với một gương mặt tan tác, đầm ướt cả lệ. Tôi vội ôm lấy chị, áp má tôi vào má chị.

Tôi hỏi:

– Tại sao chị khóc? Tại sao chị lại đến đây một mình? Bọ chị đâu?

Chị Dung nấc lên một tiếng nước nỏ:

– Bọ chị chết rồi, em ơi.

Nói xong chị khóc suốt suốt. Tôi

cũng ôm chặt lấy chị mà khóc theo. Nhưng rồi tôi muốn ngất đi, không khóc được nữa, vì ngay giữa lúc ấy, tôi nghe có một điệu sáo u huyền từ đâu trong cõi xa xăm vẳng lại, hòa lẫn với tiếng thồn thức của người con gái đang ôm chặt lấy tôi trong bóng tối đêm xuân.

TRÙNG DƯƠNG
KỂ TÌNH CHUNG

1

Thưa cha, con đã cãi lời cha mẹ nhiều lần, và cãi nhau với anh chị em con, nhiều lần. Con đã ghét cha con, nhiều lần... Vì cha con hay đánh mẹ con. Con đã bỏ học kinh, nhiều lần. Con đã học kinh chia lòng chia trí, nhiều lần. Con đã nói hành nói tỏi người khác, nhiều lần...

Cô bé quì sau tấm màn Tòa Giải Tội chột ngừng lại một lát, ngẫm nghĩ, moi óc

xem mình còn bỏ sót tội nào chưa xưng ra không. Từ bên kia tấm màn, tiếng vị linh mục dịu dàng, ấm áp, thì thầm:

– Thôi, ngày mai con sẽ chịu Lễ Lần Đầu, kể từ ngày mai, Chúa sẽ ngự ở lòng con, vậy con hãy dốc lòng chữa mọi tội từ đây, nghe. Con hãy nhận nhận mọi người, hãy yêu thương mọi người, vì Chúa yêu thương con; việc đền tội, con đọc năm chục kinh Kính Mừng. Thôi, con ăn năn tội để cha ban phép lành cho con.

Cô bé gục xuống đôi tay chắp trên thành Tòa Giải Tội, lẩm nhẩm đọc kinh ăn năn tội với vẻ cung kính. Bên kia bức màn, tiếng vị linh mục lẩm rầm cầu kinh. Một lát. Vị linh mục gõ vào thành gỗ của Tòa Giải Tội ba tiếng. Cô bé ngược đầu lên. Có một lúc cô muốn khóc lóc, như những người đàn bà mà cô thường gặp vào những buổi chiều theo mẹ hay

chị đến nhà thờ (dạo đó, cô chưa rước Lễ Lần Đầu), những lúc họ dọn mình vào xưng tội và cả những lúc xưng tội xong, họ ra quì xuống ăn năn tội nữa. Nhưng cô bé không khóc được. Đôi mắt to đen mở lớn, ráo hoảnh. Cô chỉ nghĩ được đến lúc sau khi ở đây ra, về nhà, gặp bọn con Kim, con Mỹ và rủ chúng nó đi chơi bịt mắt bắt dê hay chạy trốn thì tuyệt. Nhưng nhất định cô phải tránh chơi với con Hương mới được. Cái con nhỏ Hương, nó hơn cô bé mấy tuổi và hay đọc sách bậy bạ rồi mang ra kể với cô. Ngày mai cô bé sẽ rước Lễ Lần Đầu và cô phải trở nên một người khác, một người thánh thiện hơn. Không biết cái con Hương nó có biết là nó có tội không nhỉ? Chắc là không. Nó đi bên lương mà. Nó học ở trường lương mà. Cô giáo dạy nó hẳn cũng phải đi lương như nó. Như vậy, lấy ai ra bảo nó rằng nó đã làm điều

tội đâu. Tội nghiệp cho con Hương. Cô bé lại chỉ yêu có mình con Hương thôi, vì nó dễ thương.

Có mỗi một điều là nó không biết tội là gì. Khi nào nó chết, nó sẽ phải xuống hỏa ngục, tội nó quá.

– Con về bằng an.

Tiếng vị linh mục ở bên kia tấm màn thì thầm.

Cô bé ngần ngừ chưa chịu đứng lên.

– Gì nữa, con?

– Thưa cha, con quên.

– Quên gì?

– Quên một tội, ạ.

– Tội gì?

– Dạ, con nghe chuyện bấy nhiều lần. Con bạn ở gần nhà kể cho con nghe.

– Chúa sẽ tha tội cho con, vì con biết ăn năn. Từ rầy, nếu bạn con kể chuyện bấy nữa, con đừng nghe nhé.

– Thưa cha, con xưng tội luôn cho bạn con được không?

– Không được đâu, con. Con nên khuyên bạn con đi xưng tội lấy hơn.

– Nhưng thưa cha, nó đi lương. Nó không biết tội là gì.

– Vậy con về khuyên bạn con đừng nói chuyện bấy nữa. Nếu nó không nghe, con đừng nên lại gần bạn nữa. Thôi, con về bằng an.

Cô bé ra khỏi Tòa Giải Tội. Trong thâm tâm, cô bé vẫn thấy tội nghiệp cho

con Hương quá. Nghĩ đến việc nghỉ chơi con Hương, cô bé cảm thấy buồn buồn.

2

– Thưa cha, con xưng tội.

– ...

– Thưa cha, con không vâng lời mẹ, ba lần; con đánh nhau với anh con, một lần; con thù ghét em con với lại bà Sơ dạy nó, vì em con không thuộc bài mà bà Sơ dạy nó lại gọi con xuống đánh con vì cái tội không dạy nó học; thưa cha, con tơ tưởng đến con trai, một lần...

– Con bao nhiêu tuổi rồi?

– Dạ, thưa cha, con lên chín.

– Tuổi con là tuổi ngây thơ, trong

sạch. Hãy noi gương Chúa Hải Đông. Đừng tự tưởng bậy bạ, nghe con. Việc đền tội, con đọc... thôi, con ăn năn tội.

Cô bé cúi đầu xuống ăn năn tội.

Tối hôm đó, sau bữa cơm, cô bé quyết định ở nhà, không theo bọn con Kim, con Mỹ đi xem bọn thằng Trác diễn kịch ở trại cửa bên cạnh tiệm phở Hợp Lợi trong xóm nữa.

Thằng Trác đóng vai Nguyễn Phi Khanh thật tài tình. Giọng đọc thơ của nó nghe cứ là sang sảng. Nhất là lúc nó bị trói giạt cánh khuỷu, đứng giữa sân khấu, xúng xính trong chiếc áo dài mượn được của bọn con gái, thắt ngang lưng một dải lụa giả làm bằng cái ruột tượng mượn của mẹ nó, và khuôn mặt non choẹt đen sạm (vì suốt ngày chạy rong tắm truồng ở hồ Con Vẹt và ăn cắp sen của người ta)

của nó ngoảnh lên nhìn trời, mày cau lại, cất giọng đọc sang sảng:

Trãi con ơi, tương lai đầy ánh sáng,

Cha đứng đây trong suốt được ngàn thu...

Và bên chân nó, thằng Hùng đóng vai Nguyễn Trãi đang gục đầu khóc nức nở, kiếm gỗ đeo lết thết bên hông, chột ngừng phất lên, đôi lông mày vẽ bằng than bỗng như dựng ngược hẳn lên. Nó vùng đứng dậy, hai tay mở rộng, mặt hướng về đám khán giả nhóc con bên dưới, hùng dũng cất tiếng:

Cha nói đến tương lai đầy ánh sáng,

Khiến lòng con bùng tỉnh một cơn mê!

Nói đến đây, thằng Hùng lại quỳ

xuống bên chân thằng Trác, hai tay chấp lại, hướng về phía thằng Trác:

Quỳ lạy cha, cha lên đường âm đạm,

Rồi Nam Quan theo gió con bay về.

Và nó cúi đầu xuống với vẻ mặc niệm. Thằng Trác cười lớn với vẻ hào hùng mãn nguyện, và hiên ngang như một nhà ái quốc chính tông, bước theo bọn giả quân Tàu đi về phía hậu trường...

Ừ, cô bé đã theo dõi tới mấy đêm kịch thơ như vậy. Cô bé khoái cả thằng Trác Phi Khanh lẫn thằng Hùng Nguyễn Trãi. Cô bé đâu có biết rằng ngoài chuyện tổ chức kịch chơi cho vui bọn thằng Trác cũng cần tiền để tiêu vặt nữa. Vé vào cửa là hai đồng một người. Cô bé chỉ thấy tất cả cái sự hào hùng ở bọn con trai. Và cô bé bắt đầu mơ màng... Thường, diễn

chán tuồng Nguyễn Trãi – Phi Khanh, bọn thằng Trác lại diễn đến tuồng Trần Bình Trọng, Quang Trung Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học.. Thôi thì đủ cả. Lẽ cố nhiên, lúc nào thằng Trác cũng thủ vai chính hết. Mà vai nào, nó cũng hào hùng ghê gớm làm cô bé sướng mê đi. Ngoài vai kếp chính của mỗi đêm, thằng Trác thường đứng ra chỉ huy bọn nhỏ dựng sân khấu, bày biện này nọ và nó còn kiêm luôn cả chân thu tiền vào cửa. Mỗi lần đến phiên đưa tiền vào cửa cho thằng Trác, cô bé lại cảm thấy có một mối xúc động mơ hồ.

Nhưng, hôm nay cô bé quyết định ở nhà. Cô bé quyết định quên thằng Trác, quên cái xúc động bồi hồi của mỗi đêm kịch đứng dưới nhìn thằng Trác đọc những câu thơ hào hùng nói lên tinh thần bất khuất của những Nguyễn Huệ, Phi

Khanh, Trần Bình Trọng v.v... Bởi vì cô bé đã xưng tội. Cô bé không được quyền tư tưởng đến con trai. Bởi vì ngày mai Chúa nhật cô bé còn rước lễ. Cô bé cần phải giữ cho tâm hồn mình trong trắng. Vì Chúa Hải Đồng sẽ ngự vào trong đó.

Từ bên trại cửa bên cạnh tiệm phở Hợp Lợi vẳng lại tiếng gậy đập trên sàn gỗ ba tiếng báo hiệu giờ mở màn cho một trong những đêm kịch hồn nhiên của bọn trẻ.

3

Người đàn bà hồi nãy quỳ trước tượng Đức Mẹ khóc lóc vừa xưng tội xong, bước ra khỏi Tòa Giải Tội, đôi mắt còn đỏ nhưng một nụ cười mơ hồ nở trên môi. Đến phiên thiếu nữ vào Tòa Giải

Tội. Nàng do dự, rồi cuối cùng quả quyết bước vào, quỳ xuống, làm dấu thánh giá và chờ đợi. Bên sau bức màn Tòa Giải Tội, vị linh mục ghé sát tai vào, chờ đợi.

– Thưa cha, con xưng tội.

Vị linh mục vẫn im lặng, chờ đợi. Thiếu nữ hơi lúng túng, rồi quả quyết bắt đầu thì thầm:

– Thưa cha... con cãi lời cha mẹ, nhiều lần.

Thiếu nữ ngừng lại trong một giây rồi ngập ngừng nói tiếp:

–... Vì con hẹn hò với người con trai mà cha mẹ con cấm giao dịch. Con tơ tưởng đến chuyện trai gái...

Bấy giờ vị linh mục mới lên tiếng:

– Con bao nhiêu tuổi rồi?

– Dạ, con mười bảy tuổi.

– Con có ý định xây dựng với “người ta” không?

– Thưa cha, lần đầu con yêu “người ta” nên con cũng không rõ nữa. Vả lại, “người ta” đi lương,

– Nếu “người ta” có ý định trở lại với Chúa...

– Thưa cha, con sợ...

– Sợ gì?

– “Người ta” là con cả trong một gia đình nề nếp, theo đạo Phật, chắc khó mà được phép theo đạo.

– Vậy thì con chẳng nên tiếp tục nữa. Vả lại, tuổi con còn nhỏ, nên gắng học hành, đừng nghĩ đến chuyện trai gái sớm quá, không tốt. Nghe con?

Người con gái im lặng, suy nghĩ và liên tưởng đến cả một hàng dài những người chờ đến phiên mình vào xưng tội ở phía sau. Vị linh mục cũng chờ đợi.

– Còn tội gì nữa không con?

– Thưa cha, dạ... hết ạ.

– Thôi việc đền tội con đọc năm chục kinh Kính Mừng, xin Chúa và Đức Mẹ giúp sức cho con tránh xa các đàng tội lỗi... Bây giờ, con đọc kinh Ăn Năn Tội...

Người thiếu nữ cúi đầu xuống lầm rầm đọc kinh:

– Lạy Chúa tôi, Chúa là Đấng lọn tốt lọn lành vô cùng...

– Thôi, con đi về bằng an.

*

Thiếu nữ vừa đạp xe ra khỏi cổng trường, đã thấy người con trai ngồi đợi trên chiếc Solex từ hồi nào, Người con trai mỉm cười, nụ cười trong sáng và vô tội, nụ cười của kẻ lần đầu biết yêu. Thiếu nữ làm mặt nghiêm. Người con trai tắt máy, đạp xe theo người yêu. Cho đến lúc hai người đi song song với nhau thiếu nữ vẫn không buồn cười với người con trai.

– Hôm nay có gì lạ?

Người con trai gọi chuyện. Thiếu nữ đáp lửng lơ:

– Vẫn thế.

– Sao hôm nay làm mặt nghiêm quá vậy?

Thiếu nữ cười vu vơ, không đáp. Một

lúc sau, nàng ngừng xe lại bên đường, nói với người con trai:

– Có lẽ chúng mình nên thôi gặp nhau...

– Tại sao? Mỗi bữa tối, mình chỉ gặp nhau có một quãng đường dài có mấy phút đồng hồ thôi mà. Sắp đến ngày thi. Anh cần học và tôi cũng cần học.

Người con trai thôi cười. Gã bắt đầu linh cảm có một điều gì sắp xảy ra. Vốn tự ái, anh bằng lòng lùi bước không nài kéo:

– Thôi được, không sao. Vậy tôi về. Từ mai tôi sẽ không quấy rầy nữa.

Nói xong, gã quay xe và mở máy chạy. Thiếu nữ bấm môi, rồi tiếp tục thông thả đạp xe về nhà. Thế là xong một mối tình đã khởi sự và kéo dài được hai năm

bằng những cuộc đón đưa, bằng những câu thăm hỏi vu vơ, những nụ cười hồn nhiên vô tội. Thiếu nữ cũng không rõ là mình có cảm thấy một tiếc nuối nào không?

4

Trên thêm trường Đại học Văn khoa vào hôm khai giảng. Các sinh viên năm Dự bị chiếm đa số. Họ là những người vừa rời ghế trung học, náo nức với danh hiệu sinh viên họ vừa khoác lên người, sừng sững như trong một bộ đồ mới. Đôi mắt người nào cũng ngời hy vọng.

Thiếu nữ vừa rời phân khoa Luật, qua đây để tham dự buổi học đầu tiên. Như đa số các sinh viên học năm đầu tiên ở trường đại học. nàng ghi danh tới

hai phân khoa với tia mắt chan chứa hy vọng vì thềm thuồng hiểu biết, tưởng như trong ba năm nữa, nàng sẽ đậu cử nhân Luật kiêm cử nhân Văn khoa, và ít năm sau đó sẽ giật xong cái bằng tiến sĩ và rồi con đường tương lai sẽ mở rộng ra muôn ngả mặc sức nàng đi. Hơn lúc nào hết, nàng thấy mình bận rộn với học hành, chữ nghĩa. Những lời nàng nói đều đượm mầu của những thứ danh từ lớn sáng choang như vũ khí của các tay hiệp sĩ thời xưa.

Cũng tại trường Văn khoa, nàng gặp lại gã con trai độ nào. Gã vẫn vậy không thay đổi, duy trông gã có dẫn dỏi ra, sạm đen đi vì về sau này, gã chú tâm vào việc tập thể dục và bơi lội nhiều. Nàng được biết phân khoa chính của gã là ở bên trường Thuốc. Gã ghi danh học thêm Văn khoa. Những câu đối thoại không

khác xưa là mấy. Họ làm quen lại với nhau không mấy khó khăn. Gã vẫn yêu nàng như độ nào, và gã biết những gì đã xảy ra trong đời nàng, lẽ cố nhiên, một cách mơ hồ, qua những lời kể của bạn bè.

Họ lại bắt đầu hẹn hò gặp nhau mỗi buổi học, đưa đón nhau đi và về, ngay cả những hôm trời mưa tầm tã và gã không quản ngại, dù lúc đó đã bảy tám giờ tối, đạp xe từ phân khoa Thuốc qua phân khoa Luật đón nàng lúc tan giờ học. Liên hệ của họ, dù đã được nhiều người biết đến trong giới bạn bè họ, cũng vẫn chỉ thu hẹp trong phạm vi của những cuộc đón đưa, hay đôi khi đưa nhau đi uống nước, đi xi nê, hay trong những buổi đi ăn đi chơi chung với các bạn.

Riêng đối với nàng, nàng vẫn cảm thấy có một cái gì không ổn, về phía

nàng, khi đối diện với nụ cười trong sáng và hồn nhiên của người yêu.

Từ lâu rồi nàng không đi xưng tội. Không biết vì không đủ can đảm hay vì nàng thấy cái việc đó không giúp nàng giải quyết được gì hết. Nàng có nhiều điều muốn tâm sự, muốn giải bày hơn là muốn được giải tội. Tội là cái gì? Cái giáo dục nàng được hấp thụ từ nhỏ đã gây cho nàng trạng thái bất an. Dường như nàng mơ hồ cảm thấy mình muốn thoát ra khỏi trạng thái bất an và cái mặc cảm phạm tội thường trực đó. Nàng đã phải nghỉ chơi một đứa bạn gái thân thiết độ nhỏ mà nàng vẫn hằng yêu mến vì kiến thức của nó. Nàng đã phải bóp nghẹt sự ham thích dành cho những đêm kịch hồn nhiên chan chứa tình dân tộc độ nào của bọn thằng Trác thằng Hùng. Nàng đã khước từ mối tình thơ trẻ và

trong sáng. Tất cả chỉ vì muốn được sống trong một tình trạng bình an, không vấp đục. Nhưng rút cục nàng vẫn thấy bất an. Bất an triền miên với những thèm khát, ao ước mà nàng thường được dạy dỗ là tội lỗi. Tất cả những cái đó ích gì? Những dồn nén chỉ làm cho đục vọng thêm sôi sục, thêm nung nấu, làm cho nàng thêm cách biệt với tuổi trẻ. Nàng muốn tháo bỏ tất cả để hòa mình vào với lứa tuổi mình, để sống với lứa tuổi mình.

Ngày Chúa nhật đầu tiên bỏ lễ là cả một biến cố lớn trong đời nàng. Thỉnh thoảng nàng cũng vào nhà thờ ngồi trong cái im lặng mênh mông của ngôi thánh đường, đợi chờ một cuộc giã từ chính thức. Nàng biết thêm được rằng chẳng ai có thể, ngay cả người tình của mình cùng chia xẻ với mình những quyết định chỉ lên hệ đến cuộc đời mình. Chính

trong những lúc nghĩ như vậy nàng bắt gặp một kẻ đồng hành trong nàng. Thoạt đầu hắn chỉ là một chấm đen. Rồi hắn lớn dần, lớn dần, với đầy đủ chân tay, đầu, mình. Hắn thành một cái bóng đen. Hắn không có mặt mũi vì tất cả là mầu đen. Nhưng hắn luôn theo nàng. Bởi hắn chính là cái bóng của nàng. Hắn theo nàng ngay cả lúc nàng đi dạo với người tình. Hắn chẳng bao giờ nói nhưng hắn có mặt với sự trung thành của một kẻ sẵn sàng chia xẻ bất cứ điều gì với nàng.

Sự chọn lựa hầu như không chọn lựa của nàng đối với hắn khiến cho gã con trai linh cảm thấy một hàng rào ngăn cách giữa hai người.

Những ngày cuối niên học, ai cũng bận rộn với bài vở thi cử. Riêng nàng, tới hơn một lần bận rộn. Gã con trai tự ý hạn chế những đi lại, đón đưa. Đường

như có hơn một lần nàng đến thăm gã. Nhưng chỉ làm cho cả hai người cảm thấy rõ hơn cái hàng rào ngăn cách. Lần cuối họ gặp nhau, gã con trai nhắc đến tên một người tình cũ của nàng. Nàng lắc đầu. Và nàng nghĩ: “Anh chỉ biết có một người tình của mình. Thực ra có đến trên một người. Tất cả không còn gì. Tất cả đều qua đi. Duy có một mình hắn. Hắn trung thành một cách bướng bỉnh. Và mình, mình cũng không dứt khoát. Không thì dứt khoát. Hắn đã có mặt từ lâu lắm, chỉ bây giờ hắn mới cho mình thấy rõ là hắn có mặt. Hắn thay đổi qua mỗi giai đoạn cuộc sống tùy hoàn cảnh và mức độ cảm nghĩ của mình, nhưng bản chất hắn vẫn vậy.....”

Nàng trở về với bài vở để sửa soạn cho kỳ thi sắp tới. Với nàng, sách vở và thi cử không còn những hào quang như

cách đây mấy tháng nữa. Nó là nơi để trở về, để tạm thời xa lánh tất cả, và để hoàn tất một thứ bồn phận với gia đình và bản thân. Như những cuộc tình nàng đã trải qua là những dịp giúp nàng thấy rõ mình hơn. Tất cả chỉ có vậy. Cái đích của cuộc sống là cái mà nàng và hắn, người đồng hành của nàng, sẽ tìm kiếm và còn tiếp tục tìm kiếm. Nó, cái đích đó, có thể là sự giải thoát ra khỏi mọi tình trạng bất an, là sự từng trải, là sự vững vàng, là cái cá tính đích thực sẽ thành hình một ngày nào đó trong tương lai.

Tương lai. Nàng nhắm mắt lại trong giây lát và mở mắt ra, nhìn xuống trang sách trước mặt.

Ôi, kẻ đồng hành trung thành bướng bỉnh và thâm lặng. Người tình đầu tiên và cuối cùng tôi ơi...

VÕ HỒNG
BÔNG HỒNG CÀI ÁO

Sáng hôm nay, chúng tôi vào lớp được nửa giờ thì đoàn Thanh niên Phật tử kéo đến đóng cọc chằng dây chiếm nửa sân trường. Tiếp tới, họ chia nhau căng lều đóng trại.

Tôi thì thầm hỏi Nhung:

– Không nghỉ lễ mà sao họ cắm trại?

Nhung che miệng, – sợ thầy ngó thấy, – nói nhỏ:

– Ngày mai rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan.

Tôi mừng quá: ngày mai được nghỉ lễ.

Những em thiếu nhi quần soóc xanh dương đậm, sơ mi xanh màu da trời tíu tít đóng cọc, chẳng dây theo lệnh của mấy anh huynh trưởng. Sau một giờ, họ đã hoàn thành hai dãy lều nhỏ thật gọn, thật xinh. Dây nhà tôn ngày thường dùng làm chỗ để xe đạp, hôm nay được trang hoàng cũng thật thanh. Khi chuông rung ra chơi thì dây nhà tôn đã biến thành phòng triển lãm. Họ kéo vải trắng chẳng làm phòng, họ phủ vải trắng lên hai dãy ghế dài để làm chỗ trưng bày sản phẩm triển lãm. Chúng tôi bắt chấp hàng dây neo to chẳng làm ranh giới, chúng tôi cứ chui luồn dưới dây để vào xem.

Buổi chiều, các em Oanh vũ mang những cái hộp lớn kèm với những giỏ hoa. Tiếng loa phóng thanh vang lạnh lạnh:

– Bông hồng cài áo! Mùa Vu Lan là mùa báo hiếu. Báo hiếu trước hết cho mẹ, cho cha rồi cho ông bà, tổ tiên. Ai vui mừng vì mẹ còn tại thế thì xin cài một đóa hoa hồng. Ai xót xa vì mẹ đã qua đời xin cài lên đóa hoa màu trắng. Nơi giỏ hoa này, xin các bạn chọn. Bạn vui lòng bỏ vào hộp một ít tiền mà bạn có dư. Tiền đó sẽ giúp cho cô nhi viện.

Chúng tôi nghe nói giúp cho cô nhi viện thì liền rủ nhau đi xuống sân. Hai em Oanh vũ tiến lại gần chúng tôi:

– Chị cần hoa hồng hay hoa trắng?

Nga nói:

– Hoa hồng.

Một em mỉm cười:

– Em xin chia nỗi mừng với chị.

Em thứ hai:

– Chị đưa hoa đây em cài lên áo cho chị.

Em bé đứng thấp nên Nga phải cong người xuống.

Đóa hoa xếp bằng lụa mỏng màu hồng tươi, cánh mượt trông mỹ miều như hoa thật. Khi hoa đã cài chắc lên áo, Nga mở nắm tay bỏ vào khe hộp một tờ giấy năm mươi đồng.

Phước Võ tiến tới chọn lấy ở trong giỏ một đóa hoa hồng. Mai đứng cạnh nói:

– Đưa tao găm giùm cho mày.

Và Phước Võ xếp nhỏ một tờ giấy bạc, — tôi không kịp thấy bao nhiêu, — nhét vào khe hộp. Tiếp theo là Xuân Mai, Thu Lan và tôi. Đứa nào cũng cài hoa hồng. Tôi thầm cảm tạ Thượng đế đã bảo vệ một người mẹ cho mỗi đứa.

Từ nãy giờ con Vĩnh Hiệp cùng đi với chúng tôi nhưng nó chỉ đứng im lặng. Xuân quay hỏi nó: Vĩnh Hiệp, mày không cài một đóa hoa? Mai nhặt một đóa màu hồng trao cho nó. Nó cầm lên nhìn rồi bỏ xuống giỏ. Chúng tôi ngạc nhiên vì thái độ thiếu thiện chí đó. Cùng đi với nhau mà nó không chịu hòa đồng với chúng tôi. Nhưng lạ, nó không chịu rời tay ra khỏi giỏ. Rồi vào một lúc chúng tôi không ngờ nhất, nó cầm lên một đóa hoa trắng. Nó khẽ bảo Nga:

– Cài lên áo giùm cho mình.

Chúng tôi đều ngạc nhiên. Học chung với Vĩnh Hiệp hơn hai năm rồi mà chúng tôi không hề biết nó mất mẹ.

Nga cài hoa lên áo nó xong, nó xếp một tờ giấy một trăm đồng bỏ vào thùng. Chúng tôi tiếp tục đi nhưng ai nấy đều im lặng. Không biết nên nói cái gì, cái gì cũng dư, cũng vô ích. An ủi nó chăng? Tôi không biết nên chọn lời nào. Đành im lặng vậy. Đến lúc đó tôi mới chợt biết: chia vui thật dễ dàng. Còn chia buồn.. Chuông rung, chúng tôi vào lớp học. Hai giờ Toán trôi qua. Chúng tôi được nghỉ ra chơi. Chuông lại rung, chúng tôi vào lớp trở lại. Còn một giờ này nữa, giờ chót của ngày hôm nay, giờ Hóa học. Thầy Khang tươi cười bước vào lớp. Chắc thầy vừa nói chuyện gì vui với các thầy khác ở ngoài văn phòng nên thầy còn

giữ nụ cười. Chúng tôi đứng dậy chào, thầy đứng ở bàn chào lại. Tôi chợt thấy thầy nhìn chăm chăm chúng tôi, vẻ ngạc nhiên lộ trên nét mặt. Thầy để tắt nụ cười, thầy cho chúng tôi ngồi xuống. Hỏi bài cũ, giảng bài mới, công việc tuần tự trôi qua. Bài mới giảng xong, còn chừng mười phút thì hết giờ, thầy chợt nói:

– Hôm nay các em cài hoa..

Nhiều cái miệng « ồ » lên một lượt.

– Dạ. Bông hồng cài áo, thầy.

Thầy gật đầu. Im lặng một giây, thầy nói:

– Tôi vui mừng thấy hoa màu hồng nở trên áo các em, và đau xót khi thấy một đóa hoa trắng. Trong lớp này hoa hồng nhiều mà hoa trắng chỉ có một.

Chúng tôi đưa mắt nhìn về Vĩnh Hiệp.

– Rất nhiều người chưa cài hoa. Nhất là con trai. Con trai đi học không có sẵn tiền đem theo nên không có hoa để cài. Nếu tất cả đều cài thì tôi mong chỉ rất một màu hồng. Hai, ba đóa hoa trắng trong một lớp đủ làm cho tâm hồn tôi u buồn. Tôi tha thiết muốn tất cả các em đều vui vẻ sung sướng, bởi nếu mất đi người mẹ thì ta không thể nào vui vẻ sung sướng được.

Khi thấy ngừng nói, Yến chồm người tới hỏi:

– Lát nữa thầy cũng cài hoa lên áo chớ, thầy? Thầy cài màu gì?

Giọng thầy nói nhỏ lại:

– Màu trắng.

– ...

– ... Chắc những người lớn như tôi đa số phải cài màu trắng. Và như vậy thì màu hồng sẽ nổi bật lên, mọi người sẽ bao vây để chúc tụng sự trường thọ phúc đức của mẫu thân người nào còn cài được đóa hoa hồng. Nhưng “Ngày của Mẹ » đặc biệt dành cho các em nhiều hơn. Bởi má các em còn sống và các em phải biểu lộ lòng hiếu.

Thằng Độ:

– Đi học nghèo mặt rệp, muốn ăn cà rem cũng xin tiền bà, muốn cúp tóc cũng xin tiền bà, muốn mua sách cũng đẽo tiền bà, mình nghèo kiểu đó thì lấy tiền đâu mà mua quà mà báo hiếu cho bà?

Nghĩa giờ một ngón tay xin nói:

– Năm đệ thất có học bài « Báo hiếu cha mẹ » rồi. Học giỏi là báo hiếu. Vâng lời cha mẹ, giúp đỡ cha mẹ, thương yêu cha mẹ là báo hiếu.

Độ chống chế:

– Học trong bài là một chuyện, áp dụng thực tế ngoài đời là một chuyện. Nói như mày, ai nói không được?

Đúng là thằng Độ già miệng. Lại còn nói dóc nữa « Nói như mày ai nói không được »! Phải có thuộc bài thì mới nói được chớ. Đâu có dễ? Mà Độ thì chuyên môn cúp cua.

– Văn, thơ, nhạc, họa... đều ca ngợi người mẹ thầy nói tiếp. Ai cũng biết lòng mẹ là đại

[thiếu trang 138, 139]

Thầy dịu dàng nhìn.

– Số người bất hiếu không nhiều như em nghĩ đâu. Mà thường thì khi lớn lên chúng ta bận rộn nhiều công việc, nhiều mối lo khiến ta không còn nhiều thì giờ để nghĩ đến mẹ, để trò chuyện âu yếm cùng mẹ, để săn sóc mẹ. Chính vì lẽ đó mà người ta bày ra « Ngày của Mẹ ». Nó nhắc nhở ta nhớ đến công lao của người đã mang nặng đẻ đau, người săn sóc bú mớm, người chăm nom từng li từng tí khi còn là một đứa bé măng sữa yếu đuối. Cha dẫu thương con nhưng không nặng tình bằng mẹ. Cha dẫu làm việc nhọc nhằn nhưng quán quít triu mến thì mẹ hơn hẳn cha.

Thầy ngừng nói, nhìn ra cửa sổ.

– Nước ta chưa qui định một “Ngày của Mẹ” chính thức. Nếu có thì ngày đó chúng ta đi học mang theo mỗi người một đóa hoa, hoa bằng giấy, bằng vải, bằng lụa, hay hoa thiết tùy ý. Vào đầu giờ buổi sáng, chúng ta sẽ tự mình gài lên áo đóa hoa phù hợp với hoàn cảnh của mình, hoa màu hồng hay hoa màu trắng.

– Mình có thể lấy ngày Rằm tháng Bảy, – Ngọc nói.

– Tiếc thay, ngày đó lại là ngày lễ nghỉ... Ừ, ta có thể sắp xếp lại. Trong khi chờ đợi một ngày chính thức cho toàn quốc toàn dân thì ta tạm lấy ngày Mười bốn tháng Bảy Âm lịch. Phải đó, sang năm chúng ta sẽ cố gắng thực hiện thử. Các em sẽ thấy thêm thương thêm mến người bạn nào mang đóa hoa màu trắng. Chúng ta sẽ dồn tất cả tình yêu của mình cho người bạn không may đó.

Chuông reo bãi lớp đã từ lâu mà chúng tôi không bồn chồn đi về như mọi lần khác. Thầy nhìn xuống đồng hồ rồi bảo chúng tôi:

– Thôi, các em ra về. Thầy chúc các em một ngày lễ Vu Lan đầm ấm trong gia đình.

Chúng tôi rào rào xếp cặp đứng dậy lũ lượt ra khỏi lớp. Thầy đứng ở bàn nhìn theo và thấy ra sau cùng.

Trên đường về nhà, óc tôi cứ bị vẩn vương về những điều thầy vừa nói. Tôi thấy lòng tôi thương má tôi nhiều hơn ngày thường và tôi cứ muốn ba chân bốn cẳng đi về đến nhà cho thật mau. Đi qua đến khúc quẹo chót, tôi sốt ruột chạy ù về một mạch. Vừa đến cổng thì thấy má tôi đứng đó. Má hỏi:

– Sao hôm nay con về trễ?

– Đâu có? Con từ trường về thẳng nhà.

– Có trễ mà. Mọi lần, chiều thứ ba, đúng năm giờ bốn mươi phút con về tới nhà. Hôm nay trễ hơn mười phút, mẹ sốt ruột phải ra cổng chờ con.

– A, hôm nay thầy cho ra chậm mười phút.

Tôi muốn bi bô kể cho má nghe câu chuyện thầy vừa nói ở trường. Nhưng mà sao nhiều quá, hay quá tôi lộn xộn trong óc, tôi không biết bắt đầu nói cái gì và dùng lời gì để nói. Tôi đành ôm lưng má tôi mà nói rằng: “Má ơi, con thương má lắm, con thương má vô cùng, con thương...” Tôi lại bí, không biết nên nói thương má như thế nào. Tôi chỉ biết hôn

thật dài, rõ dài lên lưng má tôi để thay cho lời nói.

NGÀY HỒNG XỬA

tập truyện của TÁM TÁC GIẢ,

mẫu bìa bìa của DUY THANH,

Nguyệt san TÂN VĂN

ấn hành lần thứ nhất.

In tại nhà in riêng của Cơ sở VĂN,

xong ngày 10 tháng 3 năm 1971.

TÂN VĂN nguyệt san

GIẤY PHÉP SỐ 358/NTGĐTTBC,

SÀIGÒN. NGÀY 28/3/1968

CHỦ NHIỆM KIÊM CHỦ BÚT:

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

THƯ TỪ, BẢN THẢO XIN GỬI VỀ

ÔNG TRẦN PHONG GIAO

CHI, BƯU PHIẾU XIN ĐỀ QUẢN LÝ:

CÔ NGUYỄN THỊ TUẤN

BÁO QUÁN: SỐ 38 PHẠM NGŨ LÃO,

SÀIGÒN. ĐIỆN THOẠI: 23.595

GIÁ NHẤT ĐỊNH 50 Đ

